

TÓM TẮT LUẬN VĂN CAO HỌC K15 - QHQT (2014-2016)

1. Đề tài: Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN hậu 2015

Học viên: Đỗ Thu Trang

Trong bối cảnh Châu Á - Thái Bình Dương đang nổi lên là khu vực năng động nhất thế giới và được dự báo sẽ là “sân khấu” chính trong đời sống chính trị quốc tế đương đại thì Đông Nam Á, ở vị trí trung tâm của khu vực, không thể nằm ngoài sự quan tâm của các cường quốc. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đang ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong việc tham gia giải quyết các vấn đề của khu vực.

ASEAN đã thành công khi đạt được tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN đúng thời hạn vào ngày 31/12/2015. Trong đó, Cộng đồng Chính trị - An ninh thu hút nhiều sự quan tâm do tính chất nhạy cảm vốn có của lĩnh vực chính trị và an ninh. Việt Nam hiện đang có những vấn đề an ninh không thể đơn phương giải quyết cho nên việc hình thành Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN có ý nghĩa rất quan trọng với chúng ta. Do đó, việc nghiên cứu cơ sở hình thành, quá trình xây dựng, đặc điểm và đặc biệt là dự báo về tương lai của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN là hết sức cần thiết.

Đề tài “**Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN hậu 2015**” đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn mà từ đó các nhà lãnh đạo ASEAN đi đến quyết định thành lập Cộng đồng Chính trị - An ninh. Luận văn cũng điểu lại quá trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh từ khi có ý tưởng cho đến khi chính thức thành lập (từ năm 2003 đến năm 2015). Trên cơ sở phân tích, đánh giá các mặt thuận lợi và thách thức đối với việc hoàn thiện và đưa Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN vào hoạt động, luận văn dự báo các kịch bản có thể xảy ra đối với APSC trong 10 năm tới (năm 2025).

Kịch bản APSC trở thành công cụ hữu hiệu, có quyền lực trong bảo đảm hòa bình an ninh ở khu vực hay kịch bản xấu nhất là đổ vỡ Cộng đồng đều không dễ xảy ra. Thời gian 10 năm chưa đủ để ASEAN thay đổi lối tư duy và khóa lập những cách biệt giữa các nước thành viên để trở thành một Cộng đồng hoàn hảo như trong lý thuyết. Nhưng ASEAN cần APSC, các nước lớn ủng hộ liên kết của ASEAN cho nên cũng không dễ gì để APSC sụp đổ. Kịch bản nhiều khả năng xảy ra nhất là APSC vẫn trong quá trình hoàn thiện, một số mục tiêu và nội dung được điều chỉnh lại phù hợp với thực tiễn. Dù kịch bản nào xảy ra thì Việt Nam cũng chịu tác động lớn hơn và trực tiếp hơn so với các nước khác trong khu vực. Vì vậy, Việt Nam cần nỗ lực thúc đẩy quá trình hoàn thiện APSC để mang lại lợi ích lớn nhất cho quốc gia - dân tộc.

Trên cơ sở phân tích nói trên, tác giả đã mạnh dạn đưa ra đề xuất Việt Nam cần đóng vai trò tích cực, hiệu quả hơn nữa trong các hoạt động của Cộng đồng Chính trị - An ninh để tận dụng được những mặt thuận lợi của cơ chế này phục vụ công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

2. Đề tài: Quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ từ năm 2001 đến năm 2015 và tác động của mối quan hệ này đến Việt Nam

Học viên: Hoàng Văn Tú

Mối quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ được thiết lập năm 1950, là hai nước láng giềng lớn với hai chế độ chính trị hoàn toàn khác nhau, quan hệ Trung - Ấn từ giữa thế kỷ XX đến nay đã trải qua nhiều biến động với những bước thăng trầm do bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như do những thay đổi bên trong từng nước. Trung Quốc và Ấn Độ, hai quốc gia lớn đang phát triển với tốc độ nhanh chóng vào bậc nhất thế giới hiện nay cũng đang phải đối diện với tất cả những thực tế này. Về tổng thể, hai nước đã bắt tay nhau với những nỗ lực chung vì sự phát triển, ổn định của từng nước. Đó cũng là một trong những điều kiện quan trọng để Trung Quốc và Ấn Độ có thể vươn mình xa hơn trong việc phát huy ảnh hưởng ra bên ngoài. Nhu cầu hoà bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển trở thành vấn đề chung của cả Trung Quốc và Ấn Độ. Chính vì vậy, nghiên cứu Đề tài “Quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ từ năm 2001 đến năm 2015 và tác động của mối quan hệ này đến Việt Nam” là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết hiện nay.

Quan hệ Trung - Ấn những năm đầu thế kỷ XXI được phát triển theo một quá trình từ quan hệ bình thường đến xây dựng quan hệ “Đôi tác hợp tác chiến lược”. Những thành tựu của quan hệ Trung - Ấn hơn mười lăm năm qua được xây dựng trên những cơ sở khách quan và chủ quan thuận lợi đặc biệt là những toan tính về lợi ích quốc gia. Những thành tựu mà quan hệ Trung - Ấn đã đạt được trong những năm 2001 - 2015 đều mang tính chiến lược. Cụ thể, thương mại song phương hai nước đang ngày càng được nâng lên. Sự hợp tác quốc tế không ngừng được mở rộng qua các năm, sự phối hợp trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế ngày càng hiệu quả. Sự phát triển quan hệ “đôi tác hợp tác chiến lược” Trung - Ấn không chỉ giúp hai nước đạt được những lợi ích của mình, nâng cao vị thế quốc gia mà còn góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển và đảm bảo môi trường an ninh cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thúc đẩy xu thế đa cực hóa thế giới.

Tuy nhiên, khi nhìn lại quan hệ Trung - Ấn trong những thập niên qua, có thể thấy mối quan hệ này rất phức tạp, vừa có sự hợp tác, vừa có sự cạnh tranh, nó thể hiện bản chất của các mối quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh. Trên thực tế, quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ còn có những bất đồng và mâu thuẫn khá lớn. Mặc dù hiện nay sự hợp tác giữa hai nước phát triển tương đối mạnh trên các mặt, nhưng bên trong mối quan hệ ấy là cuộc cạnh tranh đang diễn ra hết sức quyết liệt nhằm giành giật ảnh hưởng và lợi ích giữa hai nước.

Quan hệ Trung - Ấn là một trong những cặp quan hệ quan trọng hàng đầu và có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với các mối quan hệ quốc tế hiện nay và trong tương lai. Những động thái trong quan hệ hai nước sẽ tác động sâu rộng đến các mối quan hệ quốc tế. Đối với Việt Nam - một trong những điểm giành giật ảnh hưởng Trung - Ấn, thì những động thái trong quan hệ giữa hai nước này tác động đến Việt Nam theo cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Trên cơ sở chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, Việt Nam cũng cần thiết vừa hợp tác, vừa đấu tranh với hai nước Trung Quốc - Ấn Độ cũng như với các nước lớn khác. Hơn nữa, Việt Nam cần đầu tư nghiên cứu để hiểu rõ những động thái quan hệ của hai nước Trung Quốc và Ấn Độ, từ đó tìm ra những giải pháp, biện pháp tối ưu nhằm tận dụng tối đa thời cơ, vượt qua thách thức do sự tranh giành ảnh hưởng Trung - Ấn mang lại, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, ổn định, phát triển và phồn vinh./.

3. Đề tài: Sáng kiến “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc và tác động đối với cạnh tranh Trung - Mỹ

Học viên: Nghiêm Văn Hoàn

Từ Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2012) đến nay, lãnh đạo cấp cao Trung Quốc do Chủ tịch Tập Cận Bình đứng đầu đã khởi xướng nhiều sáng kiến có quy mô lớn. Với quy mô lớn hơn tất cả các sáng kiến khác, bao trùm nhiều lĩnh vực, “Một vành đai, một con đường” có vị trí và vai trò nổi bật trong chính sách của Trung Quốc, đồng thời là công cụ thực hiện các mục tiêu phát triển và tăng cường vị thế của Trung Quốc với tầm nhìn dài hạn. Sáng kiến này gồm hai phần là “Vành đai kinh tế con đường tơ lụa” và “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21”.

“Một vành đai, một con đường” không chỉ đơn thuần nhằm tái hiện Con đường tơ lụa trong lịch sử hay kết nối giao thông, thương mại, mà có mục đích chủ yếu là mở rộng địa bàn ảnh hưởng, tăng cường vị thế của Trung Quốc trong nhiều lĩnh vực và nhiều khu vực khác nhau. Quy mô và cách thức triển khai sáng kiến này cho thấy “Một vành đai, một con đường” có khả năng tạo ra bước đột phá về ưu thế của Trung Quốc cả về chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa. Đặt trong bối cảnh sự trỗi dậy của Trung Quốc và xu hướng chuyển dịch quyền lực trên thế giới, sáng kiến này có thể làm thay đổi tương quan lực lượng giữa Mỹ và Trung Quốc nếu được thực hiện đúng như kỳ vọng. Do đó, sáng kiến “Một vành đai, một con đường” có tác động trực tiếp tới mức độ và phạm vi tranh giành ảnh hưởng giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới, đồng thời cũng là một nhân tố cần tính đến trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Luận văn với đề tài: “**Sáng kiến “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc và tác động đối với cạnh tranh Trung - Mỹ**” đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành nên sáng kiến, bao gồm bối cảnh bên trong Trung Quốc kể từ sau Đại hội Đảng XVIII, những thay đổi về môi trường an ninh, đối ngoại của Trung Quốc và những điểm mới trong quan điểm, chính sách của nước này, qua đó phân tích nội dung và mục tiêu của sáng kiến theo hoạch định của lãnh đạo Trung Quốc, cũng như quá trình triển khai thực tế hiện nay. Bên cạnh đó, luận văn cũng đưa ra những đánh giá về mục tiêu thực chất của sáng kiến “Một vành đai, một con đường”, đồng thời đánh giá tác động của sáng kiến này đối với cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ trong thời gian qua và trong 5 năm tới.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra những dự đoán về triển vọng cạnh tranh trong quan hệ Trung - Mỹ trong thời gian tới, đồng thời đề xuất một số kiến nghị chính sách đối với Việt Nam trong việc chủ động tham gia vào sáng kiến “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc thông qua việc khai thác tối đa những nhân tố tích cực và hạn chế ở mức thấp nhất những tác động tiêu cực từ mối quan hệ Trung - Mỹ.

4. Đề tài: Chính sách của Lào đối với Việt Nam từ Đại hội VIII của Đảng Nhân Dân Cách mạng Lào đến nay

Học viên: VANNASOUK PHOMMAVANH

Trong bối cảnh thế giới và khu vực có những chuyển biến sâu sắc và nhanh chóng, tác động mạnh mẽ đến tất cả các nước trên thế giới, buộc các nước phải điều chỉnh lại chính sách để thích nghi với môi trường mới nhằm đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế của đất nước ở khu vực và trên thế giới. Bởi vậy Lào và Việt Nam đều cần có những điều chỉnh chiến lược của mình để tận dụng thành tựu của khoa học công nghệ và xu thế hòa bình đem lại lợi ích tối đa cho quốc gia mình vừa phát triển được quan hệ giữa hai nước.

Bên cạnh đó, Mọi quan hệ giữa Việt Nam và Lào đã được xây dựng và duy trì từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp, Mỹ giành lại độc lập dân tộc đến thời kỳ đổi mới và phát triển đất nước. Thêm đó Lào và Việt Nam là hai nước láng giềng có chung hơn 2234 km đường biên giới và Lào và Việt Nam đều là hai nước theo chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa cùng lấy chủ nghĩa Mác Lê Nin làm nền tảng tư tưởng.

Cho nên học viên đã chọn đề tài Luận văn với đề tài: “ **Chính sách của Lào đối với Việt Nam từ Đại hội VIII của Đảng Nhân Dân Cách mạng Lào đến nay**” đã tập trung nghiên cứu những nhân tố tác động tới quan hệ Lào-Việt Nam, tìm hiểu thực tiễn trong việc triển khai chính sách của Lào đối với Việt Nam Góp phần ý kiến tham khảo trong việc xây dựng chính sách tương lai của Lào đối với Việt Nam. Làm sâu sắc thêm quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Lào với Việt Nam trong thời gian tới trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực, tương xứng với tiềm năng của của hai nước.

5. Đề tài: Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sau năm 2015

Học viên: Phạm Thị Minh Châu

Mục tiêu cơ bản của Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN là góp phần xây dựng một Cộng đồng ASEAN lấy con người làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tiến tới một bản sắc chung và xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở nơi mà cuộc sống, mức sống và phúc lợi của người dân được nâng cao. Cộng đồng Văn hoá-Xã hội ASEAN sẽ đáp ứng khát vọng của khu vực, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thông qua các hoạt động hợp tác hướng đến người dân và thân thiện với môi trường nhằm thúc đẩy phát triển bền vững. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN sẽ góp phần xây dựng một nền tảng vững chắc cho hiểu biết sâu sắc hơn, tình láng giềng thân thiện, và ý thức trách nhiệm chung.

Ngày 31/12/2015, Cộng đồng ASEAN đã ra đời. Cộng đồng Văn hoá – Xã hội đã hình thành. Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN nói riêng, đã hiện thực hóa trong cuộc sống. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế của Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN như thế nào còn đang thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách cũng như dư luận công chúng, nhất là ở các quốc gia thành viên ASEAN.

Luận văn với đề tài “**Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sau 2015**” đã tập trung nghiên cứu để đưa ra quá trình hình thành Cộng đồng văn hóa – Xã hội ASEAN; Tầm nhìn, nhiệm vụ và các ưu tiên hợp tác của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN sau năm 2015 nhằm góp phần hoàn thiện hơn Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN mới hình thành. Đồng thời, luận văn cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường vai trò, vị thế của Việt Nam trong Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN, đẩy mạnh sự tham gia của Việt Nam trong Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN sau 2015.

Tác giả đã điếm lại quá trình xây dựng Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN, những kết quả đã đạt được của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, tập trung phân tích những khó khăn, thách thức mà Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN hiện còn vướng mắc, trên cơ sở đó, làm rõ tầm nhìn, nhiệm vụ và những ưu tiên hợp tác trong giai đoạn sau năm 2015 (2016-2025) của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN. Tác giả đã nhìn lại quá trình tham gia xây dựng Cộng đồng Văn hóa – Xã hội của Việt Nam và dưới góc nhìn thực tiễn của những người tham gia trực tiếp các hoạt động trong Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN, tác giả đã nêu ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường vai trò, vị thế của Việt Nam trong việc đóng góp vào Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN nói riêng sau năm 2015.

Luận văn sẽ đóng góp vào các nghiên cứu về Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN nói riêng, đóng góp vào tài liệu tham khảo để giảng dạy cho sinh viên tại các trường Đại học, Cao đẳng, cũng như được dùng làm tài liệu tuyên truyền cho người dân hiểu thêm về Cộng đồng ASEAN nói chung và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN nói riêng.

Luận văn cũng sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho những cán bộ trực tiếp phụ trách về hợp tác ASEAN tại các Bộ, ngành, đặc biệt là đối với những Bộ, ngành thuộc Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN.

6. Đề tài: Quan hệ chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam - Myanmar từ năm 2010 đến năm 2025: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Trương Trọng Doan

Thời gian qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... đã tác động bất lợi đến khu vực Đông Nam Á nói chung cũng như Việt Nam và Myanmar nói riêng. Cả Việt Nam và Myanmar đều là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng nên chịu tác động trực tiếp và gián tiếp từ tình hình chung của thế giới và khu vực. Tháng 5/1975, từ khi thiết lập quan hệ chính thức, quan hệ Việt Nam - Myanmar đã có những dấu hiệu tích cực. Hai nước cũng là thành viên tích cực của ASEAN. Từ năm 2010 đến năm 2016, quan hệ hai nước đã có những bước tiến đáng kể trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh. Đây là hai lĩnh vực có quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Cụ thể, hợp tác chính trị - ngoại giao có nhiệm vụ đi trước, mở đường cho hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh và ngược lại, hợp tác về quốc phòng - an ninh góp phần củng cố và tăng cường hơn nữa sự tin cậy về chính trị - ngoại giao giữa hai nước.

Luận văn với đề tài: “*Quan hệ chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam - Myanmar từ năm 2010 đến năm 2025: Thực trạng và triển vọng*” đã tập trung nghiên cứu vào các lĩnh vực chính trị - ngoại giao và quốc phòng - an ninh. Năm 2010 là thời điểm hai nước đã ký kết tuyên bố chung, tạo cơ sở hợp tác trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực chính trị - ngoại giao, quốc phòng an ninh. Năm 2016 là thời điểm hai nước đều có sự thay đổi trong bộ máy lãnh đạo. Trong đó, Việt Nam tiến hành Đại hội Đảng lần thứ XII vào tháng 1/2016 và bầu ra bộ máy lãnh đạo mới, và Myanmar có chính quyền dân sự mới vào tháng 4/2016, sau cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức vào 11/2015. Trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng quan hệ Việt Nam - Myanmar trong giai đoạn 2010 - 2016. Tác giả đã cố gắng nêu ra những cơ hội và thuận lợi cũng như những thách thức khó khăn trong quan hệ hai nước trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh,... Qua đó, tác giả đưa ra triển vọng cũng như một số dự báo về quan hệ hai nước đến năm 2025, giai đoạn xây dựng Cộng đồng ASEAN 2016-2025.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử và thực trạng quan hệ hai nước thời gian qua cũng như xu hướng vận động của quan hệ hai nước trong tình hình mới hiện nay, tác giả mạnh dạn đưa ra một số khuyến nghị nhằm củng cố và nâng cao quan hệ hai nước trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh cả trong cơ chế hợp tác song phương và đa phương trong tình hình mới hiện nay, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đối ngoại đa phương và đối ngoại quốc phòng. Do đó, việc nâng cao quan hệ song phương lên tầm cao mới sẽ là nền tảng để hai nước hợp tác chặt chẽ trong các cơ chế đa phương. Nếu có sự tin cậy về mặt chính trị, hai nước sẽ dần tiến tới tăng cường hợp tác hơn nữa trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, vốn là lĩnh vực đòi hỏi sự tin cậy thực sự về mặt chính trị giữa hai bên. Sự song trùng về nhu cầu và lợi ích giữa hai nước, đồng thời xuất phát từ thực tiễn và đòi hỏi về sự phát triển của mỗi nước là nhân tố tác động đến quan hệ hai nước. Đây được cho là cơ hội thuận lợi để hai nước tăng cường quan hệ hơn nữa nhằm góp phần nâng cao vị thế hai nước trên trường quốc tế, bảo đảm sự đồng thuận trong ASEAN, đáp ứng nhu cầu của sự biến đổi của tình hình thế giới, khu vực trong thời gian tới.

7. Đề tài: Hợp tác và cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc từ 2008 đến 2016

Học viên: Nguyễn Thanh Tùng

Quan hệ Mỹ - Trung Quốc là mối quan hệ song phương quan trọng, có nhiều ảnh hưởng nhất thế giới trong bối cảnh thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau đồng thời tồn tại nhiều nguy cơ xung đột và nổi lên những thách thức quốc tế mà không quốc gia nào có thể tự mình giải quyết. Đối với Việt Nam, việc xây dựng và duy trì quan hệ ổn định, tích cực với hai đối tác đặc biệt quan trọng này có ý nghĩa sống còn đối với mục tiêu an ninh, phát triển và vị thế, khi Trung Quốc là cường quốc có chung biên giới; còn Mỹ là siêu cường có ảnh hưởng toàn cầu, hiện cũng là một trong những đối tác lớn nhất của Việt Nam. Quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc một mặt tác động đến môi trường đối ngoại của Việt Nam, mặt khác tác động cụ thể đến việc xử lý quan hệ của Việt Nam với từng nước trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong vấn đề an ninh quốc gia và phát triển kinh tế.

Xuất phát từ các yếu tố trên, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ sắp chuyển giao chính quyền vào năm 2017 và nhiều khả năng Tổng thống mới tiếp tục chính sách coi trọng Châu Á, trong khi Trung Quốc đang tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại đã đề ra từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc, có thể thấy việc nghiên cứu quan hệ Mỹ - Trung giai đoạn vừa qua và dự báo xu hướng quan hệ thời gian tới vừa là nhu cầu, vừa là nhiệm vụ quan trọng trong nghiên cứu chiến lược cũng như trong kiến nghị chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Luận văn với đề tài “**Hợp tác và cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc từ 2008 đến 2016**” đã tập trung tổng hợp và đánh giá tổng thể quan hệ song phương Mỹ - Trung giai đoạn từ năm 2008 đến 2016; nêu cơ sở lý thuyết và một số khái niệm cơ bản về quan hệ nước lớn; tổng hợp và so sánh nội dung chính sách quan hệ song phương của Mỹ và Trung Quốc qua từng giai đoạn; điểmlại tiến trình xây dựng quan hệ; đánh giá và phân tích các nội dung hợp tác và cạnh tranh Mỹ - Trung trong các lĩnh vực cụ thể và liệt kê một số tác động đối với Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng đề xuất một số phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả đối ngoại của Việt Nam nói chung cũng như quan hệ với Mỹ và Trung Quốc nói riêng nhằm củng cố quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Trung và thúc đẩy quan hệ đối tác toàn diện Việt - Mỹ ổn định lâu dài, cùng có lợi./.

8. Đề tài: Hợp tác của Mỹ với các nước tiểu vùng sông Mê-kông từ 2009 đến nay

Học viên: Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nằm trong xu thế hợp tác - kết nối vốn là đặc điểm nổi trội từ đầu thế kỷ XX, các quốc gia tiểu vùng sông Mê-kông không ngừng xây dựng các chương trình và cơ chế hợp tác liên vùng như Chương trình hợp tác tiểu vùng Mê-kông mở rộng (GMS), Ủy hội sông Mê-kông (MRC), Hợp tác phát triển lưu vực sông Mê-kông - ASEAN (AMBDC), Tam giác phát triển Việt Nam – Lào - Campuchia (CLV) ... vì mục tiêu phát triển bền vững chung. Tuy nhiên, những hợp tác tiểu vùng này đòi hỏi việc xây dựng các mối liên kết trên nhiều lĩnh vực cần có sự tham gia của một đối tác nước lớn. Cũng trong khoảng thời gian này, Mỹ có những thay đổi đáng kể trong chính sách đối ngoại mà nổi bật là chính sách “xoay trục” sang Châu Á – Thái Bình Dương, cùng sự tập trung lớn hơn tới Đông Nam Á. Đây là nền tảng để Mỹ có thể can dự một cách có hệ thống hơn tại khu vực này. Việc nghiên cứu các nỗ lực hợp tác của Mỹ tại khu vực này giúp nhận thức những kế thừa và điều chỉnh chính sách đối ngoại của chính quyền Obama với Đông Nam Á nói chung, và nhóm các nước thuộc hạ lưu sông Mê-kông nói riêng; từ đó, góp phần đưa ra một số đề xuất thực thi chính sách đối ngoại của Việt Nam với một đối tác hàng đầu là Mỹ.

Luận văn “Hợp tác của Mỹ với các nước tiểu vùng sông Mê-kông từ 2009 đến nay” tập trung nghiên cứu nội dung các hoạt động hợp tác phát triển của Mỹ tại khu vực với nhóm đối tác đa quốc gia là các nước yếu thế hơn trong tiểu vùng sông Mê-kông từ 2009 đến nay. Tác giả nỗ lực phân tích và lượng hóa những chương trình/dự án trong khuôn khổ hợp tác để có thể đưa ra một số đánh giá những kết quả đạt được, những mặt tích cực cũng như hạn chế của hợp tác. Thông qua hàng loạt các hỗ trợ, từ tài chính cho tới các hỗ trợ nguồn lực kỹ thuật từ không chỉ Mỹ mà cả các đối tác phát triển khác, các hoạt động trong khuôn khổ này đã giúp các nước hạ nguồn bổ sung nguồn lực nhằm nhanh chóng rút ngắn khoảng cách và giảm thiểu vị thế bất lợi ở hạ nguồn so với Trung Quốc, đồng thời cũng tạo đà cho các hợp tác tương tự với các đối tác khác trong tương lai.

Từ những đánh giá trên, tác giả mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quan hệ giữa Việt Nam với Mỹ trong tương lai gần trên nhiều lĩnh vực mà một trong đó là hướng tới khai thác bền vững sông Mê-kông, tăng cường năng lực quốc gia trong đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống mà vẫn duy trì được nguồn lực và quan hệ cân bằng với các nước lớn khác.

9. Đề tài: Chính sách của Mỹ đối với Nga trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Obama

Học viên: Nguyễn Thị Phương Hoa

Trong mọi thời kỳ, quan hệ Mỹ - Nga luôn có vai trò chi phối cấu trúc quan hệ quốc tế toàn cầu. Tuy nhiên, cặp quan hệ này có diễn biến phức tạp. Kể từ khi cầm quyền năm 2009, Tổng thống Barack Obama đã có sự “cài đặt lại” trong quan hệ Mỹ - Nga, mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực cho quan hệ hai nước, an ninh khu vực và thế giới. Câu hỏi nảy sinh là nước Mỹ dưới thời Tổng thống Obama nhận thức về mình, về nước Nga và thế giới như thế nào; vì sao quan hệ Mỹ - Nga sau Chiến tranh Lạnh đã không còn coi nhau như đối thủ nhưng vẫn trải qua nhiều thăng trầm; chính sách “cài đặt lại” đã gỡ được những gì, còn những trở ngại gì và chính sách này có thực sự thành công hay không?

Từ nhận thức về những vấn đề nêu trên, đề tài **“Chính sách của Mỹ đối với Nga trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Obama”** có ý nghĩa thực tiễn từ việc phân tích, đánh giá sự linh hoạt trong việc vận dụng chính sách đối ngoại của nước Mỹ, tầm ảnh hưởng của chính sách đối ngoại Mỹ tới nền tảng chính trị quốc tế, khu vực và góp phần phục vụ cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước lớn, đặc biệt là với Mỹ và Nga trong giai đoạn hiện nay.

Luận văn nghiên cứu chính sách của Mỹ với Nga dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, tình hình nước Mỹ khi Tổng thống Obama nhậm chức, lợi ích của Mỹ trong quan hệ với Nga và khái quát chính sách, quan hệ của Mỹ đối với Nga ở thời kỳ của Tổng thống G.W. Bush. Từ đó, luận văn tập trung đi sâu phân tích sự thay đổi trong chính sách đối ngoại với Nga của Mỹ tập trung vào nhiệm kỳ hai thời Tổng thống Obama; phân tích các biện pháp chính sách, triển khai của nước Mỹ với Nga dựa trên các diễn biến chính trị quốc tế mới và trình bày những thách thức còn tồn tại trong quan hệ hai nước thời kỳ Tổng thống Obama.

Trên cơ sở nghiên cứu nói trên, tác giả trình bày những dự đoán về chiều hướng vận động của quan hệ Mỹ - Nga trong những năm tới dựa trên đường lối hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, thực trạng quan hệ Mỹ- Nga và diễn biến chính trị quốc tế. Đáng chú ý trong phần đánh giá này, đó là nhận định về vai trò nhận thức của nhà lãnh đạo và chính quyền Mỹ về vị thế của Nga, 04 mâu thuẫn lợi ích mà Mỹ và Nga sẽ không thể nào tìm thấy quan điểm chung trong tương lai và nguyên tắc hoạch định chính sách với Nga mà Mỹ cần xem xét. Bên cạnh đó, luận văn cũng trình bày đánh giá tác động của quan hệ Mỹ - Nga tới các khu vực trọng điểm trên thế giới, đặc biệt là tại Trung Đông và châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc sẽ là nhân tố xung đột trong quan hệ song phương Mỹ - Nga khi cả hai quốc gia đều tái khẳng định và tăng cường sự hiện diện tại khu vực Đông Á.

10. Đề tài: Phong trào Không liên kết từ năm 1991 đến năm 2015

Học viên: Nguyễn Thị Thắm

Vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX, trong bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh diễn ra gay gắt cùng với sự phát triển mạnh mẽ của cao trào giải phóng dân tộc, ngày 01/09/1961 tại Bêôgrat (Nam Tư) Phong trào Không liên kết (NAM) đã ra đời, khẳng định vị thế cũng như xu hướng tập hợp lực lượng của các quốc gia độc lập non trẻ. Trước bối cảnh thế giới hai cực, Phong trào đã trở thành một nhân tố chính trị quốc tế quan trọng góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới, cô vũ và ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ nền độc lập của các quốc gia, đấu tranh một thế giới công bằng và bình đẳng. Kể từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tương quan lực lượng thay đổi gây bất lợi cho Phong trào Không liên kết, Phong trào không tránh khỏi sự khó khăn, khủng hoảng khiến vai trò của Phong trào trở nên mờ nhạt.

Tuy nhiên, nhờ kịp sự thời thích ứng với tình hình mới, trên cơ sở kiên định những mục tiêu và nguyên tắc cơ bản đã đề ra nên từ sau chiến tranh lạnh đến nay, Phong trào đã dần dần phục hồi và phát triển. Mặc dù, còn phải vượt qua nhiều khó khăn, thách thức nhưng Phong trào vẫn tiếp tục là một tập hợp lực lượng, một diễn đàn rộng lớn của các nước đang phát triển trong cuộc đấu tranh chống cường quyền, áp đặt của các nước lớn, phấn đấu vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đề tài: “**Phong trào Không liên kết từ năm 1991 đến năm 2015**” đã tập trung phân tích thực trạng quá trình phát triển của Phong trào Không liên kết từ năm 1991 đến năm 2015. Việc nghiên cứu Phong trào Không liên kết nói chung và sự điều chỉnh những ưu tiên hành động của Phong trào trước tình hình của thế giới sau chiến tranh lạnh là một điều cần thiết. Nó có ý nghĩa khoa học, lý luận và thực tiễn. Phong trào Không liên kết là một tổ chức quốc tế rộng lớn bao gồm 118 nước của ba châu lục Á, Phi và Mỹ latin. Phong trào luôn khẳng định vai trò của mình trong việc giải quyết các vấn đề trọng đại của thế giới. Phong trào đã góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới, đồng thời cô vũ và ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giải phóng và bảo vệ nền độc lập của các dân tộc, đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế công bằng và dân chủ.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất xu hướng vận động của Phong trào Không liên kết đến năm 2020 cũng như đưa ra những triển vọng của Phong trào trong thời gian tới; đồng thời đánh giá những đóng góp của Việt Nam trong Phong trào Không liên kết từ sau chiến tranh lạnh đến nay.

11. Đề tài: Chính sách an ninh – quốc phòng của Nhật Bản dưới thời chính quyền Shinzo Abe và tác động tới Đông Á.

Học viên: Bùi Quốc Khánh

Nhật Bản là một quốc gia quần đảo nằm tại Đông Á – một khu vực vẫn còn nhiều điểm nóng chưa được giải quyết như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ tại Biển Đông, Biển Hoa Đông; v.v.... Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình an ninh khu vực càng trở nên phức tạp khi Trung Quốc có nhiều động thái hành xử quyết liệt hơn trong các tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ tại khu vực và nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống nổi lên. Nhật Bản vốn nằm dưới ô bảo trợ về an ninh của Mỹ, song việc sức mạnh của Mỹ trong những năm gần đây suy yếu một cách tương đối đã đòi hỏi Nhật Bản phải có những điều chỉnh theo hướng tăng cường về chính sách an ninh – quốc phòng, nhằm thích nghi với những biến đổi và thách thức đến từ môi trường an ninh bên ngoài. Trong bối cảnh đó, Shinzo Abe - nhân vật có lập trường dân tộc chủ nghĩa, lên nắm quyền Thủ tướng Nhật Bản trong hai nhiệm kỳ 2005 – 2007 và từ 2012 đến nay. Trong nhiệm kỳ thứ hai, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) của ông Abe giành ưu thế tại cả hai viện của Quốc hội nhờ chiến thắng áp đảo trong các cuộc bầu cử Thượng viện và Hạ, tạo thuận lợi cho chính quyền Abe thúc đẩy hàng loạt các sửa đổi về chính sách an ninh – quốc phòng được cho là mang tính bước ngoặt kể từ sau chiến tranh Lạnh đến nay.

Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ “Đối tác chiến lược” vào năm 2009 và hiện đã nâng cấp quan hệ lên mức “Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh tại châu Á” vào năm 2014. Quan hệ giữa hai nước mang tính hợp tác cao và phát triển trên nhiều lĩnh vực, trong đó có hợp tác về an ninh – quốc phòng. Việt Nam là một nước tại khu vực Đông Á, cũng như Nhật Bản có những tranh chấp về lãnh thổ trên biển với Trung Quốc. Chính vì vậy, chính sách an ninh – quốc phòng của Nhật Bản đối với khu vực Đông Á sẽ có những tác động nhất định đến Việt Nam.

Luận văn với đề tài: “*Chính sách an ninh – quốc phòng của Nhật Bản dưới thời chính quyền Shinzo Abe và tác động tới Đông Á*” tập trung nghiên cứu các yếu tố tác động tới quá trình hoạch định chính sách an ninh – quốc phòng tại Nhật Bản, quá trình Thủ tướng Abe tiến hành các điều chỉnh đáng chú ý liên quan an ninh – quốc phòng trong khoảng thời gian nhiệm kỳ thứ hai, cũng như chính sách cụ thể của Tokyo về hợp tác trong lĩnh vực này đối với các nước tại khu vực Đông Á. Trên cơ sở làm rõ các vấn đề trên, luận văn phân tích các tác động tiêu cực, tích cực từ việc chính quyền Abe điều chỉnh chính sách an ninh – quốc phòng tới môi trường an ninh Đông Á.

Nhằm đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong việc tranh thủ các mặt ưu điểm từ hợp tác an ninh – quốc phòng với Nhật Bản, luận văn sử dụng góc nhìn từ phía chính giới Nhật Bản, phân tích những lợi ích từ việc thúc đẩy hợp tác an ninh – quốc phòng với Việt Nam, đồng thời dự báo xu hướng chính sách của nước này đối với Việt Nam trong thời gian tới. Dựa vào các phân tích này, luận văn đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam về các mặt tư duy, xây dựng và triển khai chính sách hợp tác an ninh – quốc phòng với Nhật Bản trong thời gian tới./.

12. Đề tài: Những nhân tố tác động và triển vọng của quan hệ Trung - Mỹ đến năm 2025

Học viên: Đinh Quang Hùng

Diễn biến và chiều hướng phát triển quan hệ Trung - Mỹ là một trong những quan tâm hàng đầu đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế và các nhà phân tích chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ Trung - Mỹ là một trong những mối quan hệ song phương quan trọng nhất trên thế giới, không chỉ là mối quan hệ quan trọng nhất ở châu Á - Thái Bình Dương, đây còn là mối quan hệ phức tạp nhất, có tiềm năng gây xung đột nhất bởi những mâu thuẫn cơ bản chi phối mối quan hệ song phương này là tổng hợp các mâu thuẫn về thế giới quan, về chiến lược, về ý thức hệ, nhân tố nội bộ hai nước,... làm cho mối quan hệ này càng trở nên khó dự đoán trước.

Luận văn với đề tài: **“Những nhân tố tác động và triển vọng của quan hệ Trung - Mỹ đến năm 2025”** đề cập thực trạng quan hệ Trung - Mỹ từ năm 2001 đến nay, luận văn đã phân tích, đánh giá khách quan những nhân tố tác động đến mối quan hệ Trung - Mỹ, đưa ra dự báo khoa học về triển vọng của quan hệ Trung - Mỹ đến năm 2025 có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động, quan hệ quốc tế giữa các quốc gia ngày càng đan xen, phức tạp và biến đổi khó lường. Nghiên cứu quan hệ Trung - Mỹ trong dài hạn, rút ra những bất biến và một số quy luật nhất định trong mối quan hệ này sẽ giúp tìm hiểu nhiều vấn đề cụ thể cũng như dự đoán sự biến thiên của mối quan hệ này tốt hơn. Đề tài cung cấp một số đánh giá có tính toàn diện về các nhân tố tác động từ phía Trung Quốc, từ phía Mỹ và các nhân tố khác tác động đến quan hệ Trung - Mỹ. Luận văn này giúp bổ sung và làm rõ thêm cơ sở lý luận quốc tế, giúp ích cho việc tìm hiểu quan hệ giữa các nước lớn cũng như giữa các nước trên thế giới, làm phong phú thêm hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam với các đối tác chủ chốt trong tình hình mới. Mặt khác, luận văn cũng giúp các nhà nghiên cứu trẻ định hướng tốt hơn trong tiến trình nghiên cứu dài hạn.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính toàn diện về các nhân tố tác động đến quan hệ Trung - Mỹ, dự báo thế và lực của Mỹ và Trung Quốc đến năm 2025, tác giả đưa ra một số dự báo khoa học về triển vọng quan hệ Trung - Mỹ đến năm 2025.

13. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Italia từ năm 1991 đến năm 2015

Học viên: Hà Thị Quỳnh Anh

Trong lịch sử, không một quốc gia nào có thể tồn tại và phát triển bình thường mà không quan hệ với thế giới bên ngoài. Mỗi quốc gia không phải là một hòn đảo biệt lập, mà là thành viên của cộng đồng các quốc gia, vì vậy việc thiết lập mối quan hệ với các thành viên khác của cộng đồng là điều hết sức cần thiết. Quan hệ Việt Nam và Italia cũng không nằm ngoài mối quan hệ tổng hòa đó.

Italia là nền kinh tế lớn thứ chín thế giới và thứ tư ở châu Âu với những tiềm năng lớn về vốn, công nghệ, khoa học, y tế, giáo dục... và có ảnh hưởng nhất định với các vấn đề quốc tế. Việt Nam đang trên con đường đổi mới và phát triển nên rất cần hợp tác với các nước công nghiệp tiên tiến. Việt Nam chủ trương “đa phương hóa, đa dạng hóa” các quan hệ đối ngoại, chú trọng đến lợi ích của quốc gia, dân tộc. Phương châm của Việt Nam là tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác của các nước trong cộng đồng quốc tế, trong đó có Italia.

Italia và Việt Nam đã thiết lập mối quan hệ ngoại giao từ ngày 23 tháng 3 năm 1973. Trong suốt những năm qua, hai bên đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao nhằm tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia trên mọi lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục... và đến tháng 1 năm 2013, nhân chuyến thăm Italia của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Italia để kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, hai bên đã ký Tuyên bố chung thiết lập quan hệ “Đối tác chiến lược”.

Luận văn với đề tài: **“Quan hệ Việt Nam – Italia từ năm 1991 đến năm 2015”** là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về quan hệ giữa Việt Nam – Italia trong những năm từ 1991 đến 2015, có mục đích nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển, rút ra những thành tựu và hạn chế của quan hệ Việt Nam – Italia trong giai đoạn này, qua đó đưa ra nhận xét và triển vọng của quan hệ Việt Nam – Italia trong thời gian tới.

Do vậy luận văn về mặt khoa học sẽ góp phần làm rõ sự liên hệ chặt chẽ giữa Việt Nam và Italia trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa. Đồng thời, góp phần tìm hiểu những bước khó khăn, thuận lợi của mối quan hệ này, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam và Italia trong quan hệ quốc tế.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho Việt Nam khi quan hệ với Italia nói riêng, các nước lớn nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế thời đại. Nghiên cứu và tìm hiểu những thành công và những mặt còn tồn tại trong quan hệ kinh tế – văn hóa Việt Nam và Italia giúp chúng ta tránh được những ứng xử thiếu linh hoạt, khôn khéo trong quan hệ với các nước lớn, từ đó đảm bảo tốt nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Ngoài ra, luận văn còn góp phần bổ sung nguồn tài liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử thế giới và quan hệ quốc tế ở Việt Nam.

14. Đề tài: Vai trò của hợp tác giáo dục trong quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào trong giai đoạn 1992 – nay.

Học viên: Hoàng Thị Ngọc Hà

Trong quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện Việt - Lào, hợp tác trên lĩnh vực giáo dục giữa hai quốc gia mang một ý nghĩa chiến lược lâu dài và hết sức quan trọng. Năm 1992, Chính phủ hai nước Việt – Lào đã ký kết Hiệp định về đào tạo cán bộ, hai Chính phủ chỉ đạo các bộ, ban, ngành triển khai công tác đào tạo cán bộ Lào một cách có hệ thống. Kể từ đó đến nay hai nước đã có những điều khoản cụ thể về hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, chấm dứt giai đoạn “ngành giúp ngành”. Hai bên quyết định không đào tạo LHS Lào trình độ phổ thông mà tập trung đào tạo cán bộ hệ ĐH và sau ĐH. Những kết quả đạt được đã góp phần thiết thực củng cố, giữ gìn và phát triển tình đoàn kết gắn bó giữa hai dân tộc và sự phát triển của đất nước Lào.

Trước yêu cầu phát triển của sự hợp tác toàn diện giữa hai nước, vấn đề hợp tác giáo dục lại càng được hai chính phủ chú trọng, đồng thời việc đánh giá vai trò của sự hợp tác trên lĩnh vực giáo dục giữa hai nước trong việc phát triển quan hệ đặc biệt Việt - Lào là cần thiết, góp phần thực hiện chủ trương của lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước trong việc tiếp tục vun đắp truyền thống quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và thủy chung trong sáng giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Lào trong giai đoạn mới. Việc nghiên cứu tìm hiểu về vai trò của hợp tác giáo dục trong quan hệ đặc biệt Việt - Lào không những góp phần khái quát về tình hình hợp tác giáo dục giữa hai nước mà nó còn là cơ sở để rút ra những kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế còn tồn tại và đưa ra các giải pháp để đưa hợp tác giáo dục đi vào chiều sâu, có hiệu quả hơn nữa nhằm thúc đẩy mối quan hệ bền vững giữa Việt Nam và Lào.

Trên cơ sở sưu tầm, phân tích và tổng hợp tài liệu, luận văn giới thiệu về kết quả hợp tác giáo dục giữa hai nước Việt Nam - Lào. Luận văn có những đóng góp nhất định trong việc khái quát lại một cách có hệ thống về quá trình phát triển quan hệ giữa hai nước trên lĩnh vực giáo dục từ năm 1992 đến nay, những thành tựu, những hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình hợp tác của hai nước. Qua đó nêu ra được vai trò của hợp tác giáo dục trong việc thúc đẩy quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào giai đoạn này.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng đưa ra phương hướng và một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao vai trò của hợp tác giáo dục trong quan hệ đặc biệt giữa hai nước từ nay đến năm 2020.

15. Đề tài: Quan hệ Liên bang Nga – Trung Quốc từ năm 2012 đến nay

Học viên: Vương Đoàn Đức

Nga và Trung Quốc là hai nước láng giềng lớn với đường biên giới kéo dài hàng nghìn ki lô mét, có một lịch sử quan hệ lâu dài và phức tạp: từng là đồng minh cộng sản, sau đó trở nên lạnh nhạt, thậm chí có lúc cạnh tranh nhau quyết liệt trong suốt gần ba thập niên 60, 70, 80 của thế kỷ XX, rồi lại quay trở lại quỹ đạo hợp tác trong những năm gần đây. Nga và Trung Quốc cũng là hai nước lớn, là đối tác truyền thống của Việt Nam. Quan hệ song phương giữa Nga và Trung Quốc là một mối quan hệ quan trọng trên thế giới, đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2012 trở lại đây, mối quan hệ này có những diễn biến đáng chú ý, làm thay đổi cục diện hợp tác và cạnh tranh trong khu vực và thế giới.

Luận văn với đề tài “Quan hệ Liên bang Nga – Trung Quốc từ năm 2012 đến nay” đã phân tích, làm rõ và đánh giá mối quan hệ Nga – Trung trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, an ninh, năng lượng và những vấn đề cản trở quan hệ hai nước trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016. Trong đó chỉ rõ, từ năm 2012 đến nay, tình hình thế giới có nhiều biến động ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ Nga – Trung Quốc, đặc biệt đáng chú ý là những tác động của khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu và cuộc khủng hoảng Ukraine, dẫn đến hàng loạt lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây dành cho Nga. Ngoài ra, quan hệ Nga – Trung Quốc còn chịu tác động của hàng loạt các nhân tố từ nội tại mỗi nước cho đến môi trường khu vực xung quanh. Trong bối cảnh đó, quan hệ Nga – Trung Quốc đã đạt được một số thành tựu như duy trì tiếp xúc cấp cao giữa các nhà lãnh đạo, đạt được nhiều đồng thuận, có chung tiếng nói, ủng hộ lẫn nhau trong nhiều vấn đề quốc tế và khu vực, ký kết nhiều hợp đồng kinh tế, thương mại, quân sự lớn, tiến hành tập trận thường xuyên. Tuy vậy, quan hệ giữa hai bên vẫn còn những hạn chế khiến hai nước không thể tiến xa hơn nữa như sự thiếu lòng tin giữa hai nước, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng ở khu vực Trung Á, vấn đề di dân ở vùng Viễn Đông, vấn đề sao chép công nghệ quốc phòng... Nước Mỹ cũng là một nhân tố khiến quan hệ Nga – Trung Quốc không thể tiến xa hơn khi nước này là một nước lớn, có khả năng chi phối đời sống quốc tế và cả Nga lẫn Trung Quốc đều không muốn đối đầu, làm đổ vỡ quan hệ với Mỹ.

Trên cơ sở phân tích thực trạng quan hệ giữa Nga và Trung Quốc trong giai đoạn 2012 – 2016, luận văn đã đánh giá những tác động của mối quan hệ này đối với khu vực, dự đoán khả năng thay đổi của tình hình thế giới cũng như mỗi nước, coi đó là cơ sở đưa ra dự báo về triển vọng của quan hệ Nga – Trung đến năm 2020. Theo đó, khả năng Nga và Trung Quốc liên kết mạnh mẽ trở thành một liên minh hoặc đối đầu gay gắt với nhau là khó xảy ra; khả năng lớn nhất cho quan hệ Nga – Trung Quốc trong thời gian tới là tiếp tục tiếp tục hợp tác, có cạnh tranh nhưng kiềm chế xung đột, tạo thế cân bằng giữa hợp tác và cạnh tranh.

16. Đề tài: Phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu trong những năm đầu thế kỷ XXI

Học viên: Lê Minh Hằng

Phong trào cộng sản quốc tế bắt đầu được hình thành trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, nhân dân lao động chống chế độ áp bức bóc lột vào những năm 40 của thế kỷ XIX là một tất yếu lịch sử, đánh dấu bước phát triển cao của phong trào cách mạng thế giới. Trong đó, phong trào cộng sản ở châu Âu nói chung và phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu nói riêng luôn giữ một vị trí quan trọng trong quá trình vận động của phong trào cộng sản quốc tế.

Từ khi Liên Xô sụp đổ đến nay, quá trình vận động của phong trào cộng sản ở các nước Liên minh châu Âu diễn biến phức tạp và có sự phân hóa sâu sắc giữa các đảng cộng sản và công nhân về đường lối, cương lĩnh và mục tiêu hoạt động. Nhưng bất chấp những biến động mạnh mẽ của tình hình thế giới và khu vực, tính đặc thù trong cuộc đấu tranh giữa “đầu não” của chủ nghĩa tư bản, phong trào cộng sản ở các nước Liên minh châu Âu những năm đầu thế kỷ XXI đã có những bước hồi phục nhất định, chứng tỏ sức sống của một phong trào hiện thực, được định hướng bằng lý tưởng cách mạng, niềm tin khoa học.

Luận văn với đề tài **“Phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu trong những năm đầu thế kỷ XXI”** đã tập trung phân tích những nhân tố chủ yếu tác động đến phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu trong những năm đầu thế kỷ XXI, đồng thời làm rõ quá trình vận động của phong trào thông qua tổ chức, hoạt động thực tiễn, quan điểm, đường lối, chiến lược của các đảng cộng sản ở Hy Lạp, Đức, Vương quốc liên hiệp Anh và Bắc Ireland trong những năm đầu thế kỷ XXI, từ đó có những đánh giá, nhận định bước đầu về thực trạng phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu hiện nay nhằm hiểu hơn những đặc điểm đấu tranh của phong trào cộng sản trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại, lý giải những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong phong trào cộng sản ở Liên minh châu Âu hiện nay.

Trên cơ sở thực trạng phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu trong những năm đầu thế kỷ XXI và xu hướng vận động của tình hình thế giới nói chung, tình hình cụ thể của mỗi nước Liên minh châu Âu nói riêng, luận văn dự báo triển vọng của phong trào trong 10 năm tới (2016-2025) và trên cơ sở khái quát quan hệ giữa phong trào cộng sản ở một số nước Liên minh châu Âu với Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian qua, tác giả mạnh dạn có một vài đánh giá sơ lược về mối quan hệ này để có những hướng củng cố và tăng cường trong tương lai.

17. Đề tài: Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Singapore: Thực trạng và triển vọng.

Học viên: Dương Mạnh Hà

Trong sự phát triển, vận động của lịch sử thế giới, không thể có một quốc gia nào tồn tại độc lập, phát triển hiệu quả mà không có mối quan hệ nào với các quốc gia khác, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế. Với những tương đồng về vị trí địa lý, mục tiêu phát triển và chính sách đối ngoại, quan hệ Việt Nam - Singapore đã từng bước được thiết lập, củng cố, phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Từ năm 1996 đến nay, Singapore luôn là một trong những đối tác thương mại và đầu tư hàng đầu của Việt Nam, hoạt động hiệu quả và đóng góp đáng kể trong việc giải quyết việc làm, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Ngoài ra, Singapore cũng là quốc gia đã tích cực ủng hộ, chia sẻ quan điểm với Việt Nam trong các vấn đề quốc tế, khu vực, nhất là vấn đề Biển Đông.

Trong chuyến thăm và làm việc chính thức tại Việt Nam của Thủ tướng nước Cộng hòa Singapore Lý Hiển Long vào tháng 9 năm 2013, hai bên đã ra Tuyên bố chung thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Singapore, với nội hàm là làm sâu sắc thêm quan hệ chính trị tin cậy lẫn nhau, tăng cường hợp tác kinh tế, thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác và tại các diễn đàn quốc tế, khu vực. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược này đã mở ra một giai đoạn mới, mang tính bước ngoặt trong quan hệ giữa hai nước.

Luận văn với đề tài: “**Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Singapore: Thực trạng và triển vọng**” đã tập trung nghiên cứu làm rõ về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nâng cấp quan hệ Việt Nam - Singapore lên mức đối tác chiến lược; đồng thời tổng kết, đánh giá toàn diện về những kết quả đạt được cũng như khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Singapore trên tất cả các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ, văn hóa, giáo dục trong giai đoạn 2013-2016; từ đó rút ra đặc điểm của quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Singapore và sự khác biệt so với những mối quan hệ khác của Việt Nam với các nước trong khu vực.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số dự báo về triển vọng tình hình Việt Nam, Singapore và quan hệ hai nước đến năm 2020; đồng thời đề xuất khuyến nghị thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Singapore trong những năm tới đi vào thực chất, hiệu quả hơn và tương xứng với tiềm năng, mong muốn của hai nước.

18. Đề tài: Hoạt động thông tin đối ngoại tại địa bàn trong nước giai đoạn 2011 – 2015: thực trạng và một số đề xuất.

Học viên: Nguyễn Việt Thắng

Từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, chúng ta đã có quan hệ với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong quan hệ quốc tế hiện nay, quốc gia vẫn là chủ thể đầy đủ, cơ bản và có vị trí, vai trò quan trọng nhất và đối ngoại trở thành một trong những chức năng cơ bản của quốc gia. Lợi ích quốc gia luôn được đặt lên hàng đầu trong quan hệ đối ngoại giữa quốc gia này với các chủ thể khác trên thế giới. Để bảo vệ, thỏa mãn và phát triển lợi ích của mình, các quốc gia đều tăng cường thông tin đối ngoại – một công tác quan trọng để góp phần thực hiện những nhiệm vụ đối ngoại của mình.

Có thể nói, giai đoạn 2011 - 2015 là giai đoạn quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế của đất nước ta, đây còn là giai đoạn có ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng với Việt Nam nói chung và thông tin đối ngoại nói riêng. Bởi đây là những năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, đặt nền tảng cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Giai đoạn này đánh dấu một mốc vô cùng quan trọng khi đây là những năm gắn liền với nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XI cùng những mục tiêu, nhiệm vụ mới trên hàng loạt lĩnh vực. Hơn hết đánh dấu sự trưởng thành của công tác và hoạt động thông tin đối ngoại bằng việc thông qua hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật (Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại 2011-2020, Nghị định về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại) có giá trị hiệu lực cao.

Tuy rằng thông tin đối ngoại đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận, phần nào đáp ứng được tôn chỉ, mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra. Nhưng nhìn nhận một cách thực tế thì vẫn tồn tại sự chông chéo trong triển khai hoạt động thông tin đối ngoại giữa các Bộ, ngành và địa phương, gây lãng phí. Hoạt động thông tin đối ngoại ở địa phương các tỉnh trong nước được triển khai một cách lúng túng và chưa có kế hoạch bài bản, chưa mang tính thực tế tới xã hội. Vì vậy, đòi hỏi các cấp, các ngành, các đơn vị tại địa phương phải tích cực phối hợp thực hiện, cải tiến đổi mới hoạt động thông tin đối ngoại để luôn phù hợp, bắt kịp với dòng chảy của quốc tế.

Luận văn: **“Hoạt động thông tin đối ngoại tại địa bàn trong nước giai đoạn 2011 – 2015: thực trạng và một số đề xuất”** làm rõ thực trạng hoạt động thông tin đối ngoại tại địa bàn trong nước giai đoạn 2011-2015. Dựa trên cơ sở nghiên cứu và chọn lọc, mục đích của đề tài là phác họa tình hình và đánh giá về thực trạng hoạt động thông tin đối ngoại, nêu bật vai trò của hoạt động thông tin đối ngoại như là một kênh quan trọng, một công cụ đặc lực trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, qua đó, nêu lên một vài giải pháp để tăng cường hơn nữa hiệu quả của hoạt động thông tin đối ngoại trong thời gian tới.

19. Đề tài: “Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong chính sách Châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Barack Obama”

Học viên: Lương Kim Thành

Tổng thống Barack Obama lên nắm chính quyền trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ bị khủng hoảng, tầm ảnh hưởng của Mỹ bị suy giảm đáng kể, trong khi vị thế của Trung Quốc đang gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt là ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (CA – TBD). Nhằm cải thiện nền kinh tế, củng cố vị trí, ảnh hưởng và kiềm chế sự lớn mạnh của Trung Quốc trong khu vực, chính quyền Obama đã xây dựng và triển khai chiến lược “tái cân bằng”. Để thực hiện hiệu quả chiến lược trên, đặc biệt trong xu thế hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng mạnh mẽ, lấy lợi ích kinh tế làm trọng tâm hợp tác, Mỹ cần một công cụ vừa có thể hỗ trợ tái thiết nền kinh tế, vừa phải đảm bảo lợi ích của đối tác để tập hợp lực lượng. Trong bối cảnh đó, các nhà xây dựng chính sách của Mỹ đã tìm đến các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như một cách thức hiệu quả nhất để đạt được những mục tiêu trên. Song song với quá trình triển khai chiến lược “tái cân bằng” và trong bối cảnh thiếu hụt FTA gắn kết các quốc gia trong khu vực, Mỹ đã tận dụng, thúc đẩy và mở rộng phạm vi FTA đã có của 4 nước Brunei, Chile, New Zealand, Singapore (P4) trở thành hiệp định kết nối hai bờ Thái Bình Dương với tên gọi TPP (Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương).

Với việc kết thúc đàm phán TPP trong năm 2015, công tác nghiên cứu vai trò của công cụ FTA trong chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và TPP trong chiến lược “tái cân bằng” của Mỹ nói riêng, có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu chính sách của Mỹ đối với khu vực, từ đó phục vụ cho công tác hoạch định chính sách của Việt Nam, đặc biệt khi Việt Nam là một thành viên của hiệp định.

Luận văn với đề tài: **“Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong chính sách Châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Barack Obama”** đã nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng các hiệp định thương mại tự do trong chính sách đối ngoại Mỹ; nghiên cứu, tìm hiểu cơ sở hình thành và mục tiêu của chính sách “tái cân bằng” đối với CA - TBD của Tổng thống Obama, từ đó nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò và nhiệm vụ của TPP với cách là một công cụ FTA trong việc thực hiện các mục tiêu này. Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả đưa ra những dự báo tác động của TPP đối với nước Mỹ, khu vực và Việt Nam từ đó đề xuất một số kiến nghị để Việt Nam có thể tận dụng tốt thời cơ mà hiệp định này mang lại đồng thời hạn chế tối đa tác động tiêu cực của TPP.

Với việc thực tiễn Mỹ đang xúc tiến đàm phán, ký kết rất nhiều FTA trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại, luận văn này hi vọng sẽ góp phần bổ sung căn cứ để đánh giá tổng thể việc thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ từ đó có kế hoạch và định hướng tương lai phù hợp.

20. Đề tài: **Đặc điểm của hệ thống luật chơi trong nền chính trị quốc tế đương đại**

Học viên: *Phạm Huyền Trang*

Luật chơi là một trong những yếu tố cơ bản nhất tác động tới quan hệ quốc tế, giúp bảo đảm cho đời sống chính trị thế giới diễn ra ổn định, có tổ chức. Để đánh giá hay dự báo về bất cứ hệ thống chính trị quốc tế nào, đều phải xem xét đến luật chơi của nền chính trị quốc tế đó. Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, những luật chơi cũ không hoàn toàn mất đi mà còn làm cơ sở hình thành những luật chơi mới khiến cho hệ thống luật chơi ngày càng đa dạng và phức tạp hơn so với thời kì trước, mặt khác số lượng đề tài nghiên cứu về vấn đề này vẫn còn hạn chế do đó việc tìm hiểu những đặc điểm của hệ thống luật chơi này sẽ đem đến cách nhìn toàn diện hơn về tình hình và những nguyên tắc vận hành của chính trị quốc tế đương đại.

Bằng việc nghiên cứu cụ thể, hệ thống hóa lý thuyết, đi sâu vào so sánh đối chiếu và phân tích các trường hợp cụ thể trên thực tế quan hệ quốc tế với những luật chơi được thiết lập, đề tài "**Đặc điểm của hệ thống luật chơi trong nền chính trị quốc tế đương đại**" đã chỉ rõ: *Luật chơi* trong nền chính trị quốc tế chính là những qui tắc và hình thái ứng xử, có thể là chính thức hoặc không chính thức nhằm qui định về quyền hạn, nghĩa vụ và chi phối cách ứng xử của các quốc gia trong quan hệ quốc tế; thể hiện nội dung, tính chất và nguyên tắc vận hành của một trật tự thế giới. *Hệ thống luật chơi của nền chính trị quốc tế đương đại* bao gồm 8 đặc điểm là: sự phân tán quyền lực; hợp tác và liên kết là xu thế chủ đạo; sự xung đột có "giới hạn"; yếu tố kinh tế chiếm vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia; tính phụ thuộc lẫn nhau; mối quan hệ giữa "đa số" và "thiểu số"; những liên kết khu vực và mức độ tuân thủ luật pháp quốc tế. Chính những thay đổi rõ rệt về hệ thống luật chơi đương đại so với thời kỳ trước đó đã tác động sâu sắc tới việc hoạch định sách lược của hầu hết các quốc gia và tổ chức, trong đó mục đích quan trọng nhất là thiết lập vị trí tối ưu trên trường quốc tế. Đề tài cũng chứng minh được *tính bền vững của luật chơi trong nền chính trị quốc tế đương đại* bằng việc trình bày các lập luận, quan điểm cá nhân về những luật chơi hiện tại vẫn có khả năng đáp ứng được lợi ích của các thành viên và những bất ổn, bất lợi còn tồn tại chưa đủ sức làm thay đổi luật chơi này. Điều này sẽ đòi hỏi các chủ thể phải tuân thủ luật chơi một cách nghiêm túc, chặt chẽ hơn và buộc tất cả các quốc gia phải điều chỉnh chiến lược của mình để vừa phục vụ lợi ích quốc gia dân tộc, vừa đảm bảo được an ninh quốc tế.

Tóm lại, nhìn vào một hệ thống luật chơi và quá trình thực hiện những luật chơi có thể dự báo được tương lai của đời sống quốc tế. Các chủ thể và hình thái trật tự thế giới sẽ vẫn nguyên trạng, luật chơi hiện nay cũng sẽ chưa thể xảy ra sự chuyển đổi. Mặt khác các luật chơi sẽ góp phần quan trọng đối với việc xây dựng một thế giới ổn định và có trật tự. Đồng thời, tuy hệ thống luật chơi còn một vài điểm bất ổn chưa thể khắc phục hết được trong một sớm một chiều, song có thể hi vọng rằng các chủ thể sẽ điều chỉnh được những hạn chế đó để hướng tới một kỷ nguyên dân chủ và văn minh hơn.

21. Đề tài: **Cạnh tranh Trung-Nhật tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ sau chiến tranh Lạnh đến nay**

Học viên: Lattaphong PHANMACHAN

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới đều có những chuyển biến đáng kể. Châu Á – Thái Bình Dương thay thế Tây Âu trở thành khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới. Ngoài sự phát triển chóng mặt về kinh tế với sự nổi lên của một loạt con Rồng, con Hổ Châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông,.. thì môi trường chính trị của khu vực cũng sôi động không kém. Đây là nơi tập hợp bốn nước lớn hàng đầu thế giới: Mỹ, Nga, Trung, Nhật. Sự cạnh tranh trong từng cặp quan hệ với nhau, và cạnh tranh giành ảnh hưởng trong các vấn đề khu vực đã tạo nên một môi trường an ninh phức tạp, mâu thuẫn và chông chéo lợi ích.

Ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, ngoài Mỹ - Trung là quan hệ điển hình của thế kỷ XXI, thì quan hệ Trung – Nhật cũng được xem là cặp nước lớn đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến tình hình an ninh và ổn định của khu vực. Cạnh tranh trong quan hệ Trung – Nhật thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh chủ yếu sẽ là cạnh tranh ảnh hưởng để tranh giành vị thế trong trật tự thế giới đa cực đang được định hình. Đây là một quá trình cạnh tranh gay gắt mà hệ quả của nó sẽ tác động nhiều mặt đến tình hình thế giới nói riêng và tình hình khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói riêng. Chiều hướng tác động của cạnh tranh Trung – Nhật đến các vấn đề khu vực cũng diễn ra theo hai hướng: thuận và nghịch. Thuận là giúp tình hình cải thiện, góp phần duy trì hòa bình ổn định ở khu vực. Thuận cũng là tác động theo hướng tích cực, giúp các nước vừa và nhỏ cân bằng quyền lực, bảo vệ được lợi ích của các bên yếu thế hoặc ít nhất là giữ được nguyên trạng tranh chấp. Nghịch là tác động theo chiều hướng xấu, làm gia tăng căng thẳng, xung đột. Sự khác biệt về lợi ích (mà nguyên nhân sâu sa của sự khác biệt này chính là tính toán tranh giành ảnh hưởng, kiềm chế, đối trọng nhau) làm cho các vấn đề có lúc sẽ nóng hơn như vấn đề Triều Tiên, vấn đề Biển Đông, hoặc có lúc sẽ gây chia rẽ đến sự đoàn kết của một thực thể đang lớn mạnh như ASEAN. Đồng thời, một tác động khác bao trùm lên tất cả các vấn đề đó là một cuộc chạy đua vũ trang âm thầm không chỉ giữa Trung Quốc, Nhật Bản mà còn cả Mỹ, Đài Loan, hay một số quốc gia ASEAN, tạo nên một môi trường an ninh bất ổn. Tuy không phải là tình trạng “hòa bình bên miệng hổ chiến tranh như thời kỳ Chiến tranh Lạnh” nhưng việc các nước âm thầm trang bị vũ khí, hiện đại hóa trang thiết bị quân sự, củng cố tiềm lực tấn công cho thấy môi trường hòa bình, ổn định của khu vực đang bị đe dọa.

Do đó, việc nghiên cứu đề tài “Cạnh tranh Trung – Nhật tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay” vừa phân tích làm rõ bản chất mặt cạnh tranh trong quan hệ hai nước và tác động của nó đến môi trường an ninh của một khu vực sôi động và tồn tại không ít thách thức hiện nay, giúp lý giải nhiều vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề an ninh phức tạp, định hướng cách ứng xử của các nước vừa và nhỏ trong đó có các nước ASEAN đặc biệt là Lào và Việt Nam nhằm tận dụng cơ hội từ cạnh tranh ảnh hưởng trong quan hệ Trung – Nhật để phát triển, nâng cao thực lực.

22. Đề tài: Hoạt động Ngoại giao đa phương của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế

Học viên: Vũ Thị Thùy Giang

Bước sang thế kỷ XXI, nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, chúng ta chứng kiến những chuyển dịch mạnh mẽ trong nền tảng kinh tế thế giới cũng như trong tương quan lực lượng quốc tế. Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng đã thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động đa phương và liên kết ở các cấp độ cả khu vực, liên khu vực và quốc tế. Trên cơ sở đánh giá các điều kiện sau hơn 25 năm đổi mới, Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) chủ trương chuyển từ “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác” sang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” và được cụ thể hóa bằng NQ 22 của Bộ Chính trị và chương trình hành động của Chính phủ, theo đó hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với chủ trương này, nước ta không chỉ hội nhập trên lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác như an ninh–chính trị, văn hóa–xã hội,...

Đại hội Đảng lần thứ XI cũng đã cho thấy bước chuyển quan trọng về tư duy đối ngoại theo chủ trương “triển khai đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả các hoạt động đối ngoại” trên tất cả các kênh song phương và đa phương, dựa trên sự phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Quốc hội và đối ngoại nhân dân. Các hoạt động ngoại giao đa phương từng bước sáng tạo và chủ động đã đem lại nhiều thành công cho công tác đối ngoại Việt Nam. Đến nay, nước ta đã trở thành thành viên của hầu hết các tổ chức, diễn đàn đa phương quốc tế chủ chốt, tạo bàn đạp cho kinh tế phát triển, nền chính trị ổn định, giúp nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Luận văn với đề tài: “**Hoạt động Ngoại giao đa phương của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế**” giới hạn thời gian từ sau Đại hội lần thứ XI của Đảng đã tập trung nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề liên quan đến ngoại giao đa phương trong quan hệ quốc tế và quan điểm của Đảng ta về ngoại giao đa phương. Đồng thời, lựa chọn và phân tích một số hoạt động ngoại giao đa phương tiêu biểu trên các lĩnh vực an ninh – chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội theo cấp độ toàn cầu và khu vực. Đề tài cũng làm rõ những thành tựu và hạn chế của hoạt động ngoại giao đa phương Việt Nam từ sau Đại hội Đảng lần thứ XI. Trên cơ sở tìm hiểu các chủ trương chính sách đối ngoại cũng như hội nhập quốc tế của nước ta trong văn kiện Đại hội Đảng lần XII, luận văn đưa ra một số giải pháp thúc đẩy hoạt động ngoại giao đa phương của Việt Nam trong thời gian tới.

Đề tài có đóng góp trong việc làm rõ những thành tựu và hạn chế của hoạt động ngoại giao đa phương Việt Nam kể từ thời gian sau Đại hội lần thứ XI của Đảng. Trong đó phân tích các hoạt động tiêu biểu trên các lĩnh vực. Tổng kết các kết quả đạt được cho thấy hoạt động ngoại giao đa phương đóng vai trò như “công cụ” hữu hiệu góp phần đạt được mục tiêu của chính sách đối ngoại nói chung và hội nhập quốc tế nói riêng. Bên cạnh thành tựu, đề tài nêu các hạn chế của hoạt động ngoại giao đa phương Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nâng cao hoạt động ngoại giao đa phương trong thời gian tới.

23. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Australia : Hướng tới khuôn khổ đối tác chiến lược

Học viên : Nguyễn Quốc Huy

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhất là sau chiến tranh lạnh kết thúc (1991), các quốc gia không phân biệt chế độ chính trị, hệ tư tưởng có thể bắt tay nhau cùng hợp tác giải quyết những vấn đề “nóng bỏng” của thế giới như các vấn đề xung đột khu vực, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng... Đồng thời, đây cũng là một thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế với sự phát triển nhanh chóng của các mối quan hệ đối tác giữa các quốc gia, khu vực. Sự phát triển bùng nổ đó đã mang đến những hiệu ứng tích cực khi đưa các quốc gia, dân tộc xích lại gần nhau hơn, mở ra những cơ hội hợp tác, phát triển mới cũng như xóa bỏ những xung đột, bất đồng tồn tại trước đây, làm thay đổi sâu sắc bộ mặt thế giới đương đại. Một điểm mới trong sự phát triển của quan hệ hợp tác quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh lạnh so với trước và trong Chiến tranh lạnh là sự mở rộng không ngừng về quy mô, sự phong phú về loại hình và không có giới hạn về lĩnh vực hợp tác giữa các quốc gia và khu vực trên thế giới. Có thể khẳng định, hợp tác quốc tế đã trở thành một xu thế tất yếu mà không một quốc gia nào có thể tách ra và đứng ngoài xu thế đó.

Trong xu thế tất yếu của quan hệ quốc tế hiện nay, mô hình quan hệ đối tác chiến lược tuy mới xuất hiện nhưng đang được các quốc gia đặc biệt coi trọng và có những biện pháp, bước đi cụ thể để tiến tới xây dựng mối quan hệ hợp tác này với các quốc gia khác trên thế giới. Sự bùng nổ của các mối quan hệ đối tác chiến lược là nét mới trong quan hệ quốc tế hiện nay với những hứa hẹn về cơ hội phát triển cũng như những thách thức không nhỏ trong quá trình thực hiện. Có thể nói quan hệ đối tác chiến lược là cơ hội mới cho các quốc gia trên thế giới trong việc củng cố quan hệ đối ngoại cũng như kinh tế đối ngoại, hướng tới những mục tiêu lâu dài và bền vững.

Việt Nam và Australia là những quốc gia đã có mối quan hệ phát triển lâu dài, lại được củng cố vững chắc trong thời kỳ sau Chiến tranh lạnh, đến nay đã thực sự trở thành những đối tác quan trọng của nhau trong khu vực và trên trường quốc tế. Vậy từ mối quan hệ gắn bó lâu dài đó, giữa Việt Nam và Australia có thể tiến tới xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược để phục vụ cho những mục tiêu lâu dài về phát triển của hai nước hay không? Lợi ích đạt được của Việt Nam và Australia trong việc thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược gồm những nội dung nào? Và để tiến tới thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược cũng như duy trì bền vững mối quan hệ đó, Việt Nam và Australia cần phải giải quyết được những vấn đề gì?

Đề tài luận văn : *Quan hệ Việt Nam – Australia : Hướng tới khuôn khổ đối tác chiến lược*. Nội dung của luận văn, tập trung phân tích cơ sở lý luận và nền tảng mối quan hệ đối tác hiện có giữa Việt Nam và Australia để đưa ra những nhận định, đánh giá về khả năng tiến tới thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước. Đồng thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị để góp phần thúc đẩy việc tiến tới thiết lập cũng như duy trì mối quan hệ đối tác chiến lược khi đã được hình thành./.

24. Đề tài: Quan hệ song phương Việt Nam – Mỹ giai đoạn 2009 – 2015

Học viên: Trần Thu Trang

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ, quan hệ song phương Việt Nam – Mỹ đã có những bước tiến quan trọng, mở ra cơ hội hợp tác trên nhiều lĩnh vực giữa hai quốc gia. Nền tảng quan trọng của quan hệ song phương Việt Nam – Mỹ, quan hệ kinh tế - thương mại vừa là động lực, vừa là mục đích quan trọng nhất trong quan hệ giữa hai nước. Với Hiệp định Thương mại Việt Nam - Mỹ được ký kết vào tháng 7/2000 và chính thức có hiệu lực vào tháng 12/2001 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư giữa hai nước.

Theo số liệu thống kê của tổng cục Hải Quan Việt Nam cho thấy, nếu như trong năm 2005 và 2006, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Mỹ chỉ đạt tương ứng là 6,77 tỷ USD và 8,81 tỷ USD thì đến năm 2007, con số này đã là 11,79 tỷ USD. Tuy chịu ảnh hưởng từ cuộc suy thoái kinh tế thế giới nặng nề trong các năm tiếp theo, nhưng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Mỹ vẫn duy trì ở mức cao. Đặc biệt trong 10 năm qua, năm 2009 con số đó là 14,37 tỷ USD thì đến năm 2015 con số này là 41,26 tỷ USD (2015), tăng gần gấp 3 lần, điều đó thể hiện mối quan hệ gắn kết trong thương mại giữa hai nước, và việc tăng cường quan hệ thương mại gắn liền với việc tăng trưởng sản xuất và việc làm chứ không phải là sự di chuyển luồng thương mại liên quan tới quốc gia khác.

Cùng với tiến trình tăng cường quan hệ - nhất là quan hệ kinh tế - một cách sâu rộng, thay đổi trong quan hệ an ninh quốc phòng trong quan hệ song phương Việt Nam - Mỹ cũng có những chuyển biến rõ rệt khi Việt Nam đang trở thành nhân tố then chốt tại khu vực ASEAN trong chiến lược “xoay trục” từ Đại Tây Dương sang Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ, trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự đe dọa về hòa bình và an ninh khu vực, ảnh hưởng đến lợi ích của Mỹ và đồng minh, đặc biệt là vai trò của Mỹ trong duy trì an ninh hàng hải ở Biển Đông.

Luận văn với đề tài: “**Quan hệ song phương Việt Nam – Mỹ giai đoạn 2009 – 2015**” đã tập trung nghiên cứu có hệ thống và tổng thể về quan hệ song phương Việt Nam – Mỹ giai đoạn 2009 – 2015 để làm rõ những chuyển biến mới trong quan hệ hai nước so với các giai đoạn trước, từ đó thấy được sự phát triển nổi bật của quan hệ Việt Nam - Mỹ trên hai lĩnh vực chính là kinh tế -thương mại và an ninh - chính trị trong giai đoạn từ năm 2009 đến 2015.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn dự báo triển vọng của mối quan hệ này đến năm 2020, qua đó đề xuất kiến nghị từ phía Việt Nam nhằm tăng cường quan hệ giữa hai quốc gia.

25. Đề tài: Tác động của nhân tố kinh tế đối với chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Tổng thống B. Obama (2009-2016)

Học viên: Nguyễn Hùng Sơn

Nước Mỹ trong hai nhiệm kỳ Tổng thống Obama (2009-2016) với những biến động to lớn về kinh tế đã chứng kiến nhiều sự thay đổi về đường lối đối ngoại. Chính phủ Mỹ luôn tìm mọi cách để dung hòa tiềm năng kinh tế, nhu cầu phát triển kinh tế - thương mại với những mối quan tâm chiến lược mang tính toàn cầu của nước Mỹ.

Nghiên cứu tiến trình phát triển của kinh tế và mối tương quan với chính sách đối ngoại không chỉ cho chúng ta cái nhìn sâu sắc hơn về nền kinh tế lớn nhất thế giới, mà còn thấy được sự tác động to lớn của cả vai trò kinh tế và ảnh hưởng đối ngoại của nước Mỹ với các quốc gia, dân tộc, các khu vực trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng mối quan hệ này sẽ giúp Việt Nam có sách lược phù hợp hơn trong việc thúc đẩy quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ, đặc biệt là trong bối cảnh quá trình đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã hoàn tất và đang trong giai đoạn phê chuẩn.

Xuất phát từ nhận thức đó, Luận văn với đề tài: **“Tác động của nhân tố kinh tế đối với chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Tổng thống B. Obama (2009-2016)”** đã tập trung nghiên cứu, làm rõ mối quan hệ giữa nhân tố kinh tế và quá trình hoạch định, triển khai chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama trong hai giai đoạn: 2009-2012 khi Mỹ còn đang vật vờ ứng phó với khủng hoảng tài chính – kinh tế và giai đoạn 2012-2016, khi Mỹ đã phần nào thoát ra khỏi khủng hoảng. Đồng thời, đề tài cũng phân tích tác động cụ thể của nhân tố kinh tế đến chính sách của Mỹ đối với các nước lớn (Trung Quốc, Nga), khu vực CÁ-TBD, Châu Âu; một số điểm nóng lớn và Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, luận văn cũng đưa ra những đánh giá triển vọng của nền kinh tế Mỹ và tác động của nó đến chính sách đối ngoại Mỹ trong tương lai gần.

26. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Canada những năm đầu thế kỷ XXI

Học viên: Lê Thị Phương Anh

Canada là quốc gia phát triển, nằm trong nhóm 7 nước công nghiệp phát triển trên thế giới (G7); là đối tác kinh tế - chính trị lớn và quan trọng của Việt Nam hiện nay và trong tương lai. Mở rộng quan hệ với Canada là phù hợp với lợi ích phát triển đường lối đối ngoại của Việt Nam. Ngược lại, với vị trí chiến lược về địa chính trị, cũng như vai trò và vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam đang là đối tác quan trọng trong chính sách hướng về Châu Á của Canada; là cầu nối giúp Canada liên kết kinh tế với khu vực đang phát triển rất năng động này.

Quan hệ Việt Nam - Canada là cặp quan hệ khá đặc biệt. Đó là quan hệ giữa một nước lớn, một nước phát triển với một nước nhỏ, đang phát triển và rất xa nhau về mặt địa lí. Từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ giữa hai nước tiến triển khá ổn định cả trên lĩnh vực song phương và đa phương. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế diễn biến phức tạp hiện nay, đặc biệt là vấn đề biển Đông, cũng như nhu cầu phát triển của Việt Nam, mối quan hệ Việt Nam - Canada được củng cố và phát triển lại càng có ý nghĩa.

Bằng việc nghiên cứu, hệ thống hoá, đề tài "**Quan hệ Việt Nam - Canada những năm đầu thế kỷ XXI**" đã làm rõ: Những nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Canada từ năm 2001 đến năm 2016; cũng như nêu lên thực trạng quá trình vận động của mối quan hệ này trên các lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hoá - xã hội, du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục,...qua đó, đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế trong quan hệ giữa hai nước.

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, thách thức hiện tại của hai nước, tác giả mạnh dạn dự báo triển vọng quan hệ Việt Nam - Canada trong vòng 5 năm tới và đưa ra những giải pháp cũng như một số khuyến nghị để thúc đẩy mối quan hệ phát triển lên một tầm cao hơn, đáp ứng được nhu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

27. Đề tài: Mục tiêu vị thế trong chính sách đối ngoại của Singapore dưới thời Thủ tướng Lý Hiển Long (Từ năm 2004 đến nay)

Học viên: Nguyễn Minh Anh

Mặc dù là một quốc gia nhỏ với diện tích khiêm tốn, dân số ít và khan hiếm tài nguyên thiên nhiên, mới tách khỏi Liên bang Malaysia được 50 năm và bắt đầu lịch sử bằng “con số không”, nhưng Singapore đã sớm trở thành một “quốc gia kiêu mẫu”, “con rồng châu Á”, “một câu chuyện thành công ở khu vực Đông Nam Á”, “thủ đô không chính thức của Đông Nam Á”, từ một nước ở Thế giới thứ ba bước sang Thế giới thứ nhất”. Vị thế của Singapore trong khu vực ASEAN và trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định và nâng cao. Kinh nghiệm, hình ảnh và bài học của Singapore đã có sức hấp dẫn rất lớn đối với bạn bè khu vực và quốc tế. Singapore đã có chính sách đối ngoại như thế nào để đạt được vị thế ngày hôm nay là một vấn đề đáng nghiên cứu, học hỏi và áp dụng cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Hơn nữa, Việt Nam là một nước láng giềng chia sẻ nhiều điểm tương đồng với Singapore về vị trí địa lý, văn hoá, và hoàn cảnh lịch sử. Hai nước cũng có những mối quan tâm chung, có lợi ích chung về hoà bình, ổn định và hợp tác trong khu vực. Một thực tế rõ ràng là trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Việt Nam cần không ngừng học hỏi từ những kinh nghiệm thành công của bạn bè quốc tế, trong đó có Singapore.

Luận văn với đề tài: **“Mục tiêu vị thế trong chính sách đối ngoại của Singapore dưới thời Thủ tướng Lý Hiển Long (Từ năm 2004 đến nay)”** đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn và triển khai mục tiêu vị thế của Singapore dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Lý Hiển Long. Cụ thể, tác giả làm một thống kê về các bài phát biểu của nguyên thủ Singapore – Lý Hiển Long để đi đến khẳng định Singapore có đặt ra mục tiêu vị thế trong chính sách đối ngoại của mình trong giai đoạn từ năm 2004 đến nay. Thứ hai, nội dung chính sách xây dựng vị thế của Singapore qua việc xây dựng hình ảnh quốc gia tích cực, đưa ra các sáng kiến đối ngoại và thể hiện khả năng dẫn dắt đối với tổ chức mình là quốc gia thành viên; và triển khai chính sách cụ thể trên nhiều cấp độ từ khu vực ASEAN, đến Liên Hiệp Quốc và toàn cầu được nghiên cứu chi tiết trong luận văn. Mục tiêu vị thế của Singapore được đánh giá qua những thành công mà Singapore đã tạo được trong khu vực và trên trường quốc tế, qua sự nhìn nhận về hình ảnh của Singapore trong mắt các nước láng giềng, cộng đồng quốc tế, các nguyên thủ quốc gia và học giả thế giới.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên cũng như từ những điểm tương đồng giữa Việt Nam và Singapore, tác giả mạnh dạn đề xuất một số chính sách đối ngoại thành công mà Singapore đã thực hiện để Việt Nam học hỏi kinh nghiệm và áp dụng nhằm giúp Việt Nam có những bước đi vững chắc trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập với khu vực và thế giới. Qua đó cũng thấy rằng Việt Nam cũng chia sẻ nhiều điểm tương đồng trong chính sách đối ngoại với Singapore.

28. Đề tài: Ngoại giao công chúng của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích ở Biển Đông

Học viên: Bùi Nguyên Bảo

Bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, cùng với tác động từ việc điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn ở châu Á – Thái Bình Dương, sự gia tăng căng thẳng trên Biển Đông đã trở thành một trong những thách thức an ninh và phát triển lớn nhất của Việt Nam. Trên cơ sở phân tích bối cảnh khu vực và thế giới, đánh giá lợi thế và hạn chế về nguồn lực nội tại, Việt Nam xác định công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích ở Biển Đông là một quá trình lâu dài và đòi hỏi áp dụng đồng bộ các giải pháp chính trị - ngoại giao, quân sự, pháp lý, đấu tranh thực địa... Trong đó, những hoạt động đấu tranh tôn tại trong chính sách ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân, thông tin đối ngoại... đã bộc lộ tín hiệu của một nền ngoại giao công chúng hiện đại của Việt Nam.

Luận văn “Ngoại giao công chúng của Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích ở Biển Đông” tập trung hệ thống lại cơ sở lý luận về ngoại giao công chúng với các nghiên cứu trong và ngoài nước. Tác giả chọn lọc các biểu hiện trong lịch sử của ngoại giao công chúng từ thời cổ đại, liệt kê quan điểm của các học giả nổi bật trên thế giới về định nghĩa, nội hàm, tính chất của ngoại giao công chúng. Tại Việt Nam, ngoại giao công chúng đã là một thực tiễn từ trong cuộc đấu tranh vệ quốc thế kỷ XX, tham gia vào việc hình thành và triển khai chính sách đối ngoại, tuy nhiên chưa được thừa nhận chính thức trong các văn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước.

Dựa trên nền tảng lý luận đó, tác giả tổng kết các hoạt động mang tính ngoại giao công chúng liên quan đến việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích ở Biển Đông mà Việt Nam đã triển khai trong thời gian qua, đặc biệt là từ khi xảy ra các sự kiện cụ thể trên biển từ năm 2009. Tác giả tập trung thống kê, phân tích theo các nhánh công cụ: ngắn hạn (tìm kiếm sự ủng hộ, mặt trận truyền thông), trung hạn (học thuật, vận động dư luận), dài hạn (ngoại giao văn hóa, sức mạnh mềm). Các hoạt động này đã góp phần vào thành công trong công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích ở Biển Đông của Việt Nam, phù hợp với nội lực hiện có, khắc phục những khó khăn về tiềm lực kinh tế, quân sự.

Sau khi đánh giá thành công, hạn chế thời gian qua, so sánh với một số quốc gia có cùng hoàn cảnh, tác giả đã chứng minh lý do vì sao nên xác định định ngoại giao công chúng như một mặt trận thứ hai của Việt Nam trong giai đoạn tới, không chỉ trong vấn đề Biển Đông mà còn với mục tiêu gia tăng vị thế quốc gia. Đến nay, Việt Nam chưa chính thức có chiến lược ngoại giao công chúng, chưa hình thành một nền ngoại giao công chúng với điểm nhấn là vai trò hoạch định và điều tiết của Nhà nước như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản. Tác giả đã đề xuất những phương hướng cơ bản cần thiết về nền ngoại giao công chúng Việt Nam và Chiến lược ngoại giao công chúng quốc gia phục vụ việc bảo vệ Biển Đông trong bối cảnh các bên liên quan, nhất là Trung Quốc cũng vận dụng các hoạt động này như một công cụ phục vụ tranh chấp.

Kết quả nghiên cứu trong luận văn sẽ góp phần kiến nghị chính sách cho Việt Nam trong việc vận dụng NGCC có cơ sở khoa học, chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả để góp phần bảo vệ chủ quyền, lợi ích ở Biển Đông. Đồng thời đây là một sự bổ sung học liệu vào lĩnh vực nghiên cứu NGCC còn mới mẻ ở Việt Nam hiện nay.

29. Đề tài: Quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2016

Học viện: Nguyễn Quang Vinh

Nhật Bản và Trung Quốc là hai cường quốc láng giềng lớn, không chỉ gần nhau về địa lý mà còn có những nét tương đồng sâu sắc về lịch sử và văn hóa. Trong quan hệ quốc tế, hai nước có vai trò và ảnh hưởng quan trọng trong không gian địa chính trị khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Mọi quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc có lịch sử lâu dài và trải qua những diễn biến thăng trầm theo những biến cố quan trọng trong tiến trình lịch sử khu vực, thế giới và giữa hai nước với nhau. Trong bối cảnh hiện nay, khi mà Trung Quốc trỗi dậy, ngày càng có vai trò và ảnh hưởng sâu sắc trong khu vực và trên thế giới thì mối quan hệ song phương Nhật – Trung ngày càng có vai trò và ảnh hưởng sâu sắc trong khu vực và quốc tế.

Năm 2012 thế giới chứng kiến cả hai cường quốc tại khu vực Đông Bắc Á là Trung Quốc và Nhật Bản cùng có sự thay đổi lãnh đạo cấp cao. Nếu như ở Trung Quốc là sự chuyển giao thế hệ lãnh đạo thứ 5 đã được lên kế hoạch từ trước, thì ở Nhật Bản là sự quay trở lại nắm quyền lần II của ông Shizo Abe, lãnh đạo Đảng dân chủ tự do (LDP) sau khi giành thắng lợi qua tổng tuyển cử. Việc thay đổi lãnh đạo này dẫn đến một loạt điều chỉnh chính sách ngoại giao, có tác động trực tiếp và gián tiếp đến quan hệ song phương hai nước. Có thể thấy một thực tế là, trong những năm gần đây, quan hệ hai nước thường xuyên ở vào trạng thái căng thẳng cả về chính trị lẫn quân sự; cạnh tranh ảnh hưởng tại khu vực gia tăng; quan hệ kinh tế có những dấu hiệu suy giảm, có thể bùng phát thành những cơn địa chấn vào bất kỳ thời điểm nào, đe dọa quan hệ hai nước cũng như ảnh hưởng tới các nước trong và ngoài khu vực.

Luận văn với đề tài: “**Quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2016**” sẽ phân tích những tác động tới quan hệ Nhật Bản và Trung Quốc, phân tích những thay đổi chính sách đối ngoại của hai nước kể từ khi kiện toàn Ban lãnh đạo, làm rõ thực trạng quan hệ hai nước kể từ năm 2012 đến 2016. Bên cạnh đó, luận văn cũng phân tích những tác động của quan hệ Nhật Bản và Trung Quốc tới từng nước cũng như các nước khác, đặc biệt là Việt Nam. Trên cơ sở đó kiến nghị cách ứng xử của Việt Nam và dự báo xu thế phát triển quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc trong tương lai gần. (5 – 10 tới)./.

30. Đề tài: Quan điểm "Thân, Thành, Huệ, Dung" trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình

Học viên: Phan Vũ Tuấn Anh

Quan niệm Thân, Thành, Huệ, Dung được Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đưa ra lần đầu tiên trong Hội nghị công tác ngoại giao láng giềng của Trung Quốc tháng 10 năm 2013. Thân là thân thiết, gần gũi. Thành là thành thật, thành tín. Huệ là huệ đãi, có lợi. Dung là dung nạp, bao dung.

Thân, Thành, Huệ, Dung là sự mở rộng nội hàm các quan điểm ngoại giao trước đó như Mục lân - An lân - Phú lân, được các nhà lãnh đạo Trung Quốc coi là phương châm chỉ đạo công tác ngoại giao láng giềng hiện nay, nhằm xây dựng một hình ảnh Trung Quốc thân thiện hơn, tin cậy hơn, tạo môi trường láng giềng ổn định hơn, từ đó góp phần hiện thực hóa Giác mộng Trung Hoa.

Qua các tài liệu thu thập được, có thể thấy mức độ Thân trong quan hệ láng giềng được các nhà lãnh đạo Trung Quốc duy trì và tăng cường rõ rệt nhất. Mức độ Thành đều chưa được các nước xung quanh khẳng định. Mức độ Huệ và Dung còn thấp đối với các nước. Xét về mặt tổng thể, quan điểm Thân, Thành, Huệ, Dung bắt đầu phát huy tác dụng định hướng và sẽ còn tiếp tục chi phối quá trình triển khai chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc trong tương lai.

Để làm rõ các vấn đề trên, luận văn được chia làm ba chương chính:

Chương 1: Bối cảnh hình thành khái niệm Thân, Thành, Huệ, Dung. Chương này tập trung làm rõ nguyên nhân ra đời và nội hàm khái niệm Thân, Thành, Huệ, Dung dưới góc độ văn hóa và góc độ chính trị.

Chương 2: Quá trình triển khai quan điểm Thân, Thành, Huệ, Dung. Chương này tập trung phân tích quan điểm Thân, Thành, Huệ, Dung trong một số cặp quan hệ song phương giữa Trung Quốc và các quốc gia láng giềng, từ đó rút ra đặc điểm và đánh giá tính thực tế của quan điểm này.

Chương 3: Tác động của quan điểm Thân, Thành, Huệ, Dung và kiến nghị chính sách của Việt Nam. Chương này chủ yếu phân tích tác động của quan điểm Thân, Thành, Huệ, Dung đối với khu vực và Việt Nam, từ đó đưa ra một số kiến nghị giải pháp nhằm đảm bảo lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam.

Hy vọng kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp ích cho việc tìm hiểu cách thức tiếp cận và triển khai vấn đề của các nhà ngoại giao Trung Quốc trên phương diện chính trị và văn hoá, góp phần hỗ trợ công tác hoạch định chính sách của một số các cơ quan đối ngoại của Việt Nam./.

31. Đề tài: **Hợp tác Lào – Việt về lĩnh vực thương mại trong giai đoạn 2005-2015**

Học viên: Soulatphone Bounmapheth

Lào – Việt Nam là hai nước láng giềng anh em cùng sinh sống trên bán đảo Đông Dương, có địa danh giáp giới nối liền nhau dài hơn 2.000 km. Mỗi quan hệ truyền thống giữa hai dân tộc Lào – Việt Nam luôn được phát triển toàn diện cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Hiện nay, quan hệ Lào – Việt Nam được củng cố và phát triển trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, đối ngoại, an ninh quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục – đào tạo. Trong đó, quan hệ kinh tế nói chung, quan hệ thương mại nói riêng ngày càng có vị trí quan trọng và là cơ sở chủ yếu của mối quan hệ đặc biệt Lào – Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, tiềm năng hợp tác giữa hai nước còn lớn. Hợp tác thương mại đang trên đà phát triển nhưng kết quả đạt được chưa nhiều và chưa thật sự tương xứng với tiềm năng cũng như mong đợi của Chính phủ và nhân dân hai nước.

Luận văn với đề tài: **“Hợp tác Lào – Việt về lĩnh vực thương mại trong giai đoạn 2005-2015”** đã tập trung làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn của quan hệ thương mại Lào – Việt Nam từ khái niệm thương mại, thương mại quốc tế, vai trò của quan hệ thương mại Lào – Việt trong quan hệ hai nước đến những nhân tố bên ngoài và bên trong tác động đến quan hệ hợp tác thương mại giữa hai nước. Từ đó, trình bày khái quát quan hệ thương mại giữa hai nước trước năm 2005 và phân tích, đánh giá hoạt động xuất – nhập khẩu song phương nói riêng, quan hệ thương mại hai nước nói chung từ năm 2005 đến năm 2015.

Trên cơ sở những nghiên cứu nói trên, đề tài mạnh dạn đánh giá triển vọng quan hệ thương mại song phương Lào – Việt Nam và kiến nghị một số giải pháp thúc đẩy quan hệ thương mại song phương Lào – Việt Nam trong thời gian tới.

32. Đề tài: Chiến lược “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc và tác động đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương

Học viên: Phan Đức Cường

Chiến lược “Một vành đai, một con đường” (One Belt One Road - OBOR) là sáng kiến được Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đưa ra vào cuối năm 2013. Đây là một trong những nội dung cụ thể nhằm thực hiện “Giấc mơ Trung Hoa” mà ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra sau Đại hội XVIII năm 2012. Theo con số Chính phủ Trung Quốc đưa ra, đã có hơn 60 quốc gia trên thế giới bày tỏ sự ủng hộ và sẵn sàng tham gia vào sáng kiến OBOR ở các phạm vi và cấp độ khác nhau nhằm thúc đẩy sự phát triển chung giữa Trung Quốc, châu Âu và châu Á. Chiến lược OBOR được đánh giá là một trong những mục tiêu đối ngoại quan trọng nhất của Trung Quốc hiện tại và trong tương lai.

Chiến lược OBOR của Trung Quốc có tác động khá rõ nét đến cục diện và sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Về mặt tích cực, chiến lược OBOR mở ra cơ hội để các nước trong khu vực tăng cường hợp tác, đa dạng hóa thị trường, linh hoạt hơn trong việc khai thác các tuyến vận tải quốc tế, thúc đẩy triển khai các dự án phát triển hạ tầng, giao thông vận tải,... Tuy nhiên, về mặt tiêu cực, việc triển khai chiến lược này cũng tạo điều kiện để Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng ra bên ngoài, làm gia tăng cọ sát chiến lược và va chạm lợi ích giữa Trung Quốc với các nước lớn.

Luận văn với đề tài “*Chiến lược “Một vành đai, một con đường” của Trung Quốc và tác động đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương*” đã tập trung nghiên cứu một cách khái quát, có hệ thống một số vấn đề như: Sự hình thành và những nội dung cơ bản của chiến lược OBOR, mục đích của Trung Quốc khi đưa ra chiến lược; Quá trình triển khai chiến lược từ khi ra đời, những thách thức Trung Quốc phải đối mặt trong quá trình triển khai và những kết quả bước đầu; Phản ứng của quốc tế đối với chiến lược của Trung Quốc và tác động của chiến lược OBOR đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

Trên cơ sở những nghiên cứu đánh giá trên, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị cho Việt Nam trong việc tiếp cận với chiến lược mới của Trung Quốc với mục tiêu vừa tận dụng được những cơ hội mà chiến lược OBOR tạo ra, nhưng vừa đảm bảo được lợi ích quốc gia của Việt Nam. Đồng thời, việc nghiên cứu đánh giá toàn diện thực tiễn triển khai chiến lược OBOR của Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam đưa ra chính sách đối ngoại phù hợp trong quan hệ với các đối tác, nhất là với Trung Quốc và một số nước quan trọng trong khu vực.

33. Đề tài: Chủ nghĩa thực dụng trong chính sách đối ngoại của Mỹ với Trung Quốc dưới thời Tổng thống Barack Obama.

Học viên: Nguyễn Thị Minh Hằng

Mỹ là một trong những cường quốc đang có sức ảnh hưởng to lớn đến cục diện thế giới. Chủ nghĩa thực dụng là một trong những nhân tố có mối liên hệ mật thiết đến tư duy hoạch định chính sách đối ngoại của nước này. Trung Quốc là “cường quốc mới nổi” ở khu vực châu Á. Giữa hai nước Mỹ - Trung luôn luôn tồn tại hai mặt cạnh tranh và hợp tác. Trong bối cảnh châu Á ngày càng phát triển mạnh và có sức hấp dẫn với các nước lớn, đặc biệt kể từ khi chính quyền Barack Obama tuyên bố chiến lược “Xoay trục” về châu Á - Thái Bình Dương, thì những động thái trong quan hệ Mỹ - Trung trở thành chủ đề nóng hơn bao giờ hết. Tìm hiểu sự vận dụng chủ nghĩa thực dụng trong chính sách của chính quyền Barack Obama với Trung Quốc là nền tảng cơ bản để đánh giá quan hệ quốc tế và kịp thời đưa ra những chính sách đúng đắn, phù hợp với tình hình của Việt Nam.

Luận văn với đề tài: **“Chủ nghĩa thực dụng trong chính sách đối ngoại của Mỹ với Trung Quốc dưới thời Tổng thống Barack Obama”** đã tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản của chủ nghĩa thực dụng, mối liên hệ của nó tới đời sống và quá trình hoạch định chính sách đối ngoại nước Mỹ. Dựa trên việc phân tích chính sách của chính quyền Barack Obama với Trung Quốc trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, an ninh quân sự và một số vấn đề được coi là nhạy cảm, luận văn đã làm sáng tỏ sự vận dụng chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ Mỹ - Trung. Từ đó, luận văn đưa ra đánh giá về kết quả của sự vận dụng này và tác động của nó đến tương lai chính sách đối ngoại với Trung Quốc của Mỹ đến năm 2020.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam để mạnh dạn đề xuất một số chính sách cụ thể nhằm xử lý mối quan hệ với cả Mỹ và Trung Quốc. Là một quốc gia có bờ biển dài, có vị trí chiến lược tại biển Đông, và đang ngày càng có tiếng nói trong ASEAN, Việt Nam sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc. Trong mối quan hệ tay ba này, Việt Nam có thể cân nhắc đến việc vận dụng chủ nghĩa thực dụng. Cụ thể là chính sách “nước đôi”, lợi dụng cạnh tranh, kiềm chế giữa hai cường quốc để tranh thủ nhận các cơ hội hợp tác hay các điều khoản hỗ trợ về mặt kinh tế, quốc phòng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cũng có thể xem xét đến những chính sách mang tính cứng rắn hơn. Đó là tăng cường hợp tác với một số quốc gia đang phát triển, có cùng mối quan tâm để tạo sức mạnh khối, nhằm cân bằng với cường quốc. Song song với đối ngoại, Việt Nam cũng cần nỗ lực hơn để phát triển kinh tế trong nước, nâng cao sự tự tin và nguồn lực vững chắc để phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc.

34. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Chính quyền Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe (Từ 2012 – Đến nay).

Học viên: Trần Hà My

Thế kỷ 21 được mệnh danh là thế kỷ Châu Á – Thái Bình Dương để chứng tỏ tầm quan trọng chiến lược của khu vực đối với an ninh và phát triển chung của toàn thế giới hiện nay. Tại khu vực, Nhật Bản là nước có vai trò địa chiến lược, địa kinh tế quan trọng.

Trong những năm gần đây, đặc biệt từ nhiệm kỳ II của Thủ tướng Shinzo Abe (2012 – nay), môi trường an ninh xung quanh Nhật Bản có nhiều biến đổi quan trọng ảnh hưởng tới lợi ích của nước này. Các biến đổi đó được thể hiện qua nhiều lĩnh vực, từ kinh tế khi Trung Quốc thay thế Nhật trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đến các vấn đề an ninh như tranh chấp lãnh thổ hay mâu thuẫn lịch sử. Hơn thế, những thay đổi chính sách, tương quan lực lượng của các nước tại khu vực cũng đặt ra nhiều vấn đề mới đối với mục tiêu phát triển của Nhật. Trong đó, nổi bật là chính sách xoay trục của Mỹ, sự nổi lên của Trung Quốc và ASEAN.

Cùng với các biến đổi từ khu vực, tình hình nội tại của Nhật từ sau chiến tranh lạnh đến trước năm 2012 cũng có nhiều biến đổi sâu sắc. Những biến đổi đó bao gồm vấn đề kinh tế, xu hướng chính trị, nhu cầu phát triển công nghiệp quốc phòng, yếu tố chủ nghĩa dân tộc. Điều này cũng tác động tới việc định hình chính sách đối ngoại của ông Abe trong nhiệm kỳ II.

Với tư cách là một quốc gia tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và có quan hệ gần gũi với Nhật Bản, việc nghiên cứu và cập nhật một cách toàn diện, có hệ thống chính sách đối ngoại của Nhật Bản là một điều quan trọng, có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam.

Trên cơ sở đó, luận văn với đề tài: “**Chính sách đối ngoại của Chính quyền Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe (Từ 2012 – Đến nay)**” tập trung nghiên cứu những nội dung liên quan đến chính sách đối ngoại của Nhật từ nhiệm kỳ II của Thủ tướng Shinzo Abe và việc triển khai trên thực tế các chính sách mà ông Abe đã đề ra, dựa trên tình hình quốc tế và nội tại Nhật Bản. Đồng thời, từ những kết quả hiện tại mà ông Abe đã và chưa làm được, luận văn cũng đưa ra một số dự báo về chính sách đối ngoại của Nhật Bản thời kỳ hậu Abe (sau 2018). Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam với Nhật Bản trong thời gian tới trên cơ sở hợp tác cùng có lợi, tận dụng tối đa những lợi ích mà Nhật Bản có thể đem lại cho ta trên cả ba mục tiêu an ninh, phát triển và nâng cao vị thế.

Với nội dung trên, luận văn hy vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nghiên cứu Nhật với tư cách là một nguồn thông tin tham khảo giá trị đối với không chỉ các nhà chuyên môn trong việc hoạch định chính sách đối ngoại với Nhật Bản mà còn đối với đối với những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập và có quan tâm đến vấn đề này.

35. Đề tài: Việt Nam trong Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ từ năm 2000 đến năm 2014

Học viên: Hà Thị Huyền Trang

Từ sau chiến tranh Lạnh kết thúc, quan hệ quốc tế chuyển biến nhanh chóng, toàn diện và sâu sắc cùng với sự so sánh lực lượng và mối quan hệ giữa các nước. Chính sự sụp đổ của Liên Xô và việc Mỹ cắt giảm lực lượng quân đội trong khu vực Đông Nam Á đã làm xuất hiện mối lo ngại về khoảng trống quyền lực mà một quốc gia năng động về kinh tế và chính trị như Trung Quốc có thể lấp vào. Không thể hiện rõ ràng, nhưng Ấn Độ luôn lo ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc và ý đồ thống trị khu vực của quốc gia này. Quan ngại này cùng với quyết tâm trở thành một cường quốc khu vực đã thúc đẩy Ấn Độ phải “Hướng Đông” và tiến hành nhiều cải cách kinh tế để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng trì trệ.

Việt Nam nằm ở vị trí địa chiến lược quan trọng, có mối quan hệ truyền thống lâu đời với Ấn Độ nên Ấn Độ coi Việt Nam là ưu tiên hàng đầu trong chính sách Hướng Đông. Do đó Việt Nam đóng vai trò là một mắt xích chiến lược trong chính sách Hướng Đông. Là một quốc gia, đang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam cần nghiên cứu kỹ vai trò và vị trí của mình trong CSHĐ để có đối sách phù hợp, nhằm tận dụng những cơ hội do CSHĐ mang lại, phục vụ mục tiêu phát triển của mình.

Luận văn "**Việt Nam trong chính sách Hướng Đông của Ấn Độ từ năm 2000 đến năm 2014**": học viên sẽ tập trung phân tích, làm rõ vai trò của Việt Nam trong chính sách Hướng Đông của Ấn Độ để thực hiện mục tiêu, các nhiệm vụ cụ thể: Khái quát quá trình, hình thành, triển khai và phát triển của chính sách Hướng Đông; Định vị vai trò, vị trí của Việt Nam trong chính sách Hướng Đông; Từ đó đưa ra dự báo về triển vọng vị thế của Việt Nam trong chính sách Hướng Đông đến năm 2020.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, học viên thấy được vị trí, vai trò của Việt Nam trong chính sách Hướng Đông của Ấn Độ không những được củng cố mà còn ngày càng tăng. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam tận dụng thực hiện các mục tiêu/chiến lược quốc gia của như: Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới; Hội nhập quốc tế; và công nghiệp hóa – hiện đại hóa để đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020./.

36. Đề tài: “An ninh lương thực trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI”

Học viên: Vũ Hồng Trang

Người Trung Quốc xưa có câu “Dân dĩ thực vi tiên” – tức người dân lấy cái ăn làm đầu, cái ăn hay lương thực luôn là nhu cầu thiết yếu trước tiên của con người. Đảm bảo lương thực cho người dân luôn là vấn đề trước mắt cũng như lâu dài cho mọi quốc gia, trong mọi thời đại. Bước sang những thập niên đầu của thế kỷ thứ XXI, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều quốc gia vẫn đang phải đối mặt với vấn đề an ninh lương thực – nhân tố hàng đầu đảm bảo ổn định và phát triển xã hội, một nội dung quan trọng trong an ninh kinh tế của quốc gia. Vấn đề an ninh lương thực ngày càng nóng lên và thu hút được sự quan tâm của nhiều quốc gia và cộng đồng thế giới khi thế giới trải qua cuộc khủng hoảng lương thực năm 2008 và cho tới hiện nay giá lương thực vẫn đang có xu hướng tăng lên. Với 1/5 dân số thế giới đang trong diện đói nghèo ở nhiều quốc gia, nhất là các nước đang phát triển hiện nay, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã, đang và sẽ là hai mặt của quá trình phát triển trên thế giới, có tác động ảnh hưởng đến các quốc gia, các lĩnh vực của thế giới, trong đó có an ninh lương thực ở cấp độ quốc gia và toàn cầu. Chính bối cảnh hiện nay, đòi hỏi các quốc gia cần phải giải bài toán an ninh lương thực trong sự tác động ảnh hưởng tổng thể của quá trình phát triển trên thế giới.

Trong chính sách tổng thể của Trung Quốc về nông nghiệp, vấn đề an ninh lương thực được quan tâm như là một trong những vấn đề then chốt hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững. Với dân số hơn 1,3 tỉ người, vấn đề an ninh lương thực luôn là một trong những vấn đề lớn nhất của Trung Quốc. Trong suốt quá trình cải cách nông nghiệp, Trung Quốc đã đề ra một hệ thống các biện pháp, cách làm để đảm bảo an ninh lương thực cho mình. Tuy nhiên, những nguồn lương thực từ bên trong và bên ngoài của Trung Quốc đang dần cạn kiệt đi, cùng với nguồn đất canh tác ngày càng bị thiếu hụt do tiến trình đô thị hóa ngày càng tăng mạnh. Bên cạnh đó chất lượng của nguồn lương thực cũng không được đảm bảo do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước hay một số cơ chế chính sách về nông nghiệp còn chưa phù hợp đã dẫn đến việc Trung Quốc đang phải đối phó với thách thức về an ninh lương thực nghiêm trọng...

Luận văn với đề tài “**An ninh lương thực trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI**” đã tập trung nghiên cứu về tình hình an ninh lương thực trên thế giới và tình hình an ninh lương thực của Trung Quốc trong thời gian qua cũng như tìm hiểu về các thành tựu và thách thức trong hoạt động hợp tác quốc tế của Trung Quốc trong vấn đề đảm bảo an ninh lương thực trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở những nghiên cứu, đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra dự báo về chiều hướng chính sách của Trung Quốc đối với vấn đề an ninh lương thực trong thời gian tới và kiến nghị chính sách cho Việt Nam. Vì vậy, vấn đề an ninh lương thực chắc chắn sẽ là một thách thức chủ yếu trên con đường tiến tới và duy trì vị trí siêu cường của Trung Quốc. Đây là một vấn đề khoa học lớn, cần có sự quan tâm nghiên cứu đầy đủ, có cách nhìn phù hợp, để có những gợi ý, bài học giá trị cho Việt Nam

Cộng hòa Séc - thành viên liên minh châu Âu, cũng là nước XHCN trước đây, được xem là một trong những nền kinh tế ổn định nhất và thịnh vượng trong số các quốc gia hậu cộng sản ở châu Âu, đặc biệt kể từ khi nước này gia nhập liên minh châu Âu (EU) năm 2004. Quốc gia này chủ trương phát triển quan hệ đa dạng với các nước trên thế giới. Tại châu Á, Séc chú ý tới các nước có quan hệ lâu năm, trong đó có Việt Nam. Quan hệ Việt Nam - CH Séc là mối quan hệ tiêu biểu cho mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước tại châu Âu. Cộng hòa Séc là nước Đông Âu và châu Âu duy nhất hiện nay công nhận cộng đồng người Việt là dân tộc thiểu số thứ 14 của Séc.

Ngày 2/2/2015, Việt Nam và CH Séc kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao trên cơ sở kế thừa và tiếp tục phát triển quan hệ ngoại giao của Việt Nam và Liên Bang Tiệp Khắc cũ (2/2/1950). Trải qua 65 năm, quan hệ truyền thống, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và CH Séc không ngừng được củng cố và phát triển sâu rộng, hiệu quả.

Luận văn với đề tài **“Quan hệ Việt Nam - Cộng hòa Séc: Thực trạng và triển vọng”** đã tập trung làm rõ cơ sở hình thành mối quan hệ hai nước; khái quát lại quan hệ hai nước từ năm 1950 - 1993; qua đó làm rõ lợi ích hai nước trong duy trì và phát triển quan hệ song phương kể từ khi CH Séc tách ra thành quốc gia độc lập (1993). Bên cạnh đó, luận văn tập trung đi sâu phân tích, đánh giá kết quả hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, văn hóa giáo dục...trong quan hệ Việt Nam - Cộng hòa Séc từ 1993 đến nay.

Qua việc nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng quan hệ Việt Nam - CH Séc từ năm 1993 đến nay, cũng như đưa ra một số dự báo triển vọng của mối quan hệ này trong thời gian tới, tác giả mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị chính sách phù hợp, góp phần đưa quan hệ Việt Nam - CH Séc tiếp tục phát triển ổn định, bền vững, ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, phục vụ các mục tiêu phát triển do Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII năm 2016 đề ra.

38. Đề tài: Quan hệ Việt Nam -Trung Quốc từ khi Mỹ triển khai chính sách Tái cân bằng tại Châu Á – Thái Bình Dương

Học viên: Nguyễn Văn Đạt

Trung Quốc là quốc gia có vị trí hết sức quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Tuy nhiên, quan hệ giữa Việt Nam và quốc gia láng giềng này luôn được xác định là hết sức phức tạp và nhạy cảm xuyên suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt trên vấn đề biên giới lãnh thổ. Có thể nói, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc hiện đại nằm trong tổng thể của bức tranh chung của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ II, chịu sự chi phối và ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố, đặc biệt là quan hệ giữa các nước lớn, trong đó có Mỹ.

Trong khi đó, trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương – khu vực phát triển năng động nhất thế giới đang diễn biến hết sức phức tạp, nước Mỹ đã triển khai chính sách Tái cân bằng Tại Châu Á – Thái Bình Dương. Đây là một trong những trọng tâm trong Chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 2011 đến nay nhằm duy trì lợi ích kinh tế, quyền lực chính trị, văn hóa, sức mạnh quân sự và ngoại giao, nhất là để kiềm chế các nước thách thức vai trò vượt trội của Mỹ trong các khu vực này và trên toàn thế giới. Chính sách này đã có những tác động hết sức sâu sắc đến quan hệ Việt Nam – Trung Quốc.

Luận văn của học viên với đề tài “**Quan hệ Việt Nam -Trung Quốc từ khi Mỹ triển khai chính sách Tái cân bằng tại Châu Á – Thái Bình Dương**” đã khái quát về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc giai đoạn 1991 – 2011 (việc bình thường hóa quan hệ năm 1991 và quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực giữa Việt Nam và Trung Quốc cho đến trước năm 2011, tức là trước khi Mỹ triển khai Chính sách Tái cân bằng tại Châu Á – Thái Bình Dương); nội dung cơ bản của Chính sách Tái cân bằng của Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương cũng như việc triển khai trên thực tế và từ đó đi sâu phân tích về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc từ năm 2011 đến nay, tức là quan hệ hai nước dưới tác động của Chính sách Tái cân bằng của Mỹ. Trong đó, học viên chú trọng phân tích và làm nổi bật sự hiện diện và tác động của nhân tố Mỹ đến quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị - ngoại giao và đặc biệt là đối với vấn đề tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước để từ đó làm rõ việc quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã bị tác động bởi chính sách Tái cân bằng của Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương như thế nào.

Trên cơ sở việc nghiên cứu quan hệ Việt Nam – Trung Quốc dưới tác động của Chính sách Tái cân bằng của Mỹ từ năm 2011 đến nay, học viên đã mạnh dạn đưa ra một số dự báo về tình hình thế giới, khu vực và chính sách đối ngoại của Mỹ đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; chiều hướng phát triển quan hệ giữa hai nước Việt Nam, Trung Quốc trong thời gian tới và từ đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam nhằm tránh những rủi ro, bất lợi trong quan hệ song phương với Trung Quốc và để đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc.

39. Đề tài: Hợp tác Lào – Việt Nam trong phát triển nguồn nhân lực đối ngoại giai đoạn 2005 – 2015”

Học viên: Phitchinda Kommanyvanh

Quan hệ Lào – Việt là một trong những cặp quan hệ hiếm có trong lịch sử thế giới hiện đại vì tình hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước ngày càng phát triển qua thời gian. Trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối ngoại để phục vụ có hiệu quả cho quá trình hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế nói chung và thúc đẩy qua hệ hợp tác giữa hai nước Lào – Việt nói riêng lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy quan hệ hợp tác Lào – Việt, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đối ngoại. Từ năm 2005, chủ trương về hợp tác Lào – Việt trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực đối ngoại nói riêng có sự thay đổi mang tính bước ngoặt, đi vào chiều sâu, giảm dần hợp tác đào tạo ở bậc trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, tiến tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có nguồn nhân lực đối ngoại chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập của hai nước cũng như hợp tác giữa hai nước. Đó chính là lý do tác giả chọn đề tài “Hợp tác Lào – Việt Nam trong phát triển nguồn nhân lực đối ngoại giai đoạn 2005 – 2015” làm đề tài nghiên cứu của luận văn này.

Điểm mới của đề tài đó là nghiên cứu về quan hệ hợp tác Lào – Việt trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực đối ngoại một cách tổng thể và có chiều sâu do ở Lào chưa có đề tài nào nghiên cứu về vấn đề này, tại Việt Nam cũng có một số tác giả đã viết về quan hệ đặc biệt Lào – Việt và hợp tác về phát triển nguồn nhân lực là một phần rất nhỏ trong quan hệ tổng thể đó. Do đó, tính toàn diện, chuyên sâu đối với việc nghiên cứu về hợp tác Lào – Việt phát triển nguồn nhân lực đối ngoại gần như chưa có. Nên tính cấp thiết của luận văn lại càng cao hơn. Luận văn đã đánh giá sự hợp tác đặc biệt giữa hai nước trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực đối ngoại trong giai đoạn 2005 – 2015, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển nguồn nhân lực đối ngoại cho Lào tại Việt Nam và nguồn nhân lực đối ngoại của Việt Nam tại Lào trong thời gian tới. Những giá trị này sẽ là cơ sở để Đảng, Nhà nước của cả Việt Nam và Lào nghiên cứu, xây dựng và triển khai các nội dung mới nhằm đưa hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đạt được nhiều thành tựu hơn nữa, tiếp tục vun đắp cho tình hữu nghị của hai nước; đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại của cả Việt Nam và Lào trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu đề tài, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận một số yếu điểm, khó khăn, hạn chế trong hợp tác Lào - Việt Nam trong phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực đối ngoại nói riêng trong giai đoạn này. Việc nhìn nhận, đánh giá và tìm kiếm những giải pháp khắc phục những hạn chế, khó khăn trong hợp tác Lào - Việt Nam trong phát triển nguồn nhân lực đối ngoại giai đoạn từ năm 2005 - 2015 phải được thực hiện ngay từ lúc này. Điều này đòi hỏi sự cố gắng của hai Đảng, hai Nhà nước, hai Chính phủ, nhân dân hai nước và chính những lưu học sinh của hai nước phải thực sự cố gắng để đưa mối quan hệ hợp tác Lào - Việt Nam trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực nói chung và phát triển nguồn nhân lực đối ngoại nói riêng lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế của mỗi nước.

40. Đề tài: Quan hệ Indonesia – Trung Quốc giai đoạn 1950-1990

Học viên: Phạm Minh Tuấn

Indonesia và Trung Quốc là các quốc gia lớn ở châu Á cả về diện tích và dân số. Hiện nay, Indonesia là nước có dân số lớn thứ 4 trên thế giới và lớn nhất Đông Nam Á, mức tăng GDP năm 2015 đứng thứ 14 trên thế giới, là nước sáng lập và có ảnh hưởng quan trọng trong ASEAN. Trong khi đó, Trung Quốc có dân số đứng đầu và diện tích lãnh thổ đứng thứ 3 thế giới, mức tăng GDP năm 2015 đứng thứ 2 trên thế giới.

Trong quá khứ, cả Indonesia và Trung Quốc đều là các quốc gia giành được độc lập từ tay chế độ thực dân và phát xít sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Năm 1950, hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Quan hệ giữa hai nước bị đóng băng vào năm 1967. Đến những năm 1980, sau các cuộc gặp cấp cao, quan hệ hai nước có dấu hiệu nòng ấm trở lại và kết quả là hai bên chính thức ký Bản ghi nhớ về việc phục hồi quan hệ ngoại giao và tuyên bố quan hệ ngoại giao Indonesia – Trung Quốc chính thức được khôi phục vào năm 1990.

Bên cạnh đó, Indonesia và Trung Quốc đều là các đối tác quan trọng của Việt Nam ở Đông Á. Cả Indonesia và Việt Nam đều có những thăng trầm trong quan hệ với Trung Quốc. Sự hiểu biết sâu sắc hơn về quan hệ Indonesia – Trung Quốc sẽ giúp nhìn nhận rõ hơn về chính sách và quan hệ của Trung Quốc với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

Luận văn với đề tài: **“Quan hệ Indonesia – Trung Quốc giai đoạn 1950 đến 1990”** tập trung nghiên cứu một cách toàn diện mối quan hệ giữa hai nước Indonesia – Trung Quốc trong quá khứ giữa tác động của bối cảnh thế giới trong thời kỳ cũng như những yếu tố nội tại của mỗi nước nhằm nêu lên thực trạng cũng như phân tích sự thăng trầm trong mối quan hệ giữa hai nước, những nguyên nhân chính khiến quan hệ hai nước đi đóng băng vào năm 1967 cũng như những nhân tố thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước diễn ra từ những năm 1980 để đi đến việc chính thức khôi phục quan hệ vào năm 1990.

Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa hai nước trong quá khứ và những lợi ích chính trị, kinh tế hiện đang mang lại, tác giả đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét về quan hệ giữa hai nước trong thời gian gần đây cũng như một số triển vọng trong thời gian tới nhằm hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa hai nước.

41. Đề tài: Vấn đề khủng bố quốc tế trong chính sách Trung Đông của Chính quyền Obama

Học viên: Phạm Quang Duy

Hơn 14 năm đã trôi qua kể từ khi Mỹ phát động cuộc chiến chống khủng bố. Ở mức độ khái quát, thành công của cuộc chiến là loại bỏ được chính quyền Taliban và Saddam Hussein, tiêu diệt được trùm khủng bố Osama bin Laden, cơ bản đảm bảo an ninh, an toàn cho người dân. Theo nhiều nguồn tin, hơn 10.000 binh sỹ NATO thiệt mạng, hàng trăm nghìn binh sỹ thương tật... Mỹ đã chi vào cuộc chiến tới 2.000 tỷ USD nhưng vẫn sa lầy tại Afghanistan và Iraq. Cùng với đó là sự trở lại của Al-Qaeda và đặc biệt là sự nổi lên của Tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS. Hiện nay, IS kiểm soát phần lớn đồng bằng sông Tigris và Euphrate thuộc lãnh thổ Iraq và Syria, xấp xỉ bằng diện tích nước Anh. Theo con số của Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế, hiện có khoảng 10 triệu người sống trong các vùng lãnh thổ do IS kiểm soát. Khủng bố tiếp tục phủ bóng ma đe dọa toàn cầu. Hàng trăm người chết trong các vụ tấn công liên hoàn tại Pháp, Bỉ, Iraq.... Sự biến tướng của chủ nghĩa khủng bố và nguy cơ khủng bố lan sang Đông Nam Á. Tất cả những yếu tố trên khiến khủng bố quốc tế trở nên nóng bỏng hơn bao giờ hết, đe dọa trực tiếp đến an ninh thế giới.

Mỹ tiếp tục là quốc gia đi đầu trong cuộc chiến chống khủng bố nhưng chiến lược đã có những thay đổi cơ bản dưới thời Tổng thống Obama. Luận văn với đề tài: "Vấn đề khủng bố quốc tế trong chính sách Trung Đông của chính quyền Obama" tập trung phân tích những thay đổi trong chiến lược chống khủng bố của Mỹ tại Trung Đông dưới thời Tổng thống Obama. Những thay đổi này có tác động thế nào đối với khu vực Trung Đông nói riêng và các nước đang phát triển nói chung?

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng đưa ra những dự đoán về những thay đổi chiến lược chống khủng bố quốc tế trong chính sách Trung Đông của Mỹ sau khi ông Obama kết thúc nhiệm kỳ Tổng thống. Đồng thời mạnh dạn rút ra nhận định, dù đảng Cộng hòa hay Dân chủ lên nắm quyền thì mục tiêu cao nhất của Mỹ sẽ không thay đổi.

42. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Liên Xô giai đoạn 1985-1991

Học viên: Trần Hiệp Quang

Đề tài “Sự sụp đổ của Liên Xô” tạo cảm hứng cho rất nhiều bài phân tích, công trình khoa học của nhiều học giả trên toàn thế giới qua các thời kỳ. Tuy nhiên, phần lớn các đề tài đó đều chỉ rõ Liên Xô sụp đổ là do bên trong nội hàm của nó, phân tích theo góc nhìn chủ quan từ phía Liên Xô. Còn có ít tài liệu phân tích sự tác động dẫn đến “Liên Xô sụp đổ” theo quan điểm khách quan, các ảnh hưởng từ phía bên ngoài. Đặc biệt chưa có đề tài nào phân tích sâu riêng về Chính sách của Mỹ đối với Liên Xô giai đoạn cuối Chiến tranh Lạnh (1985-1991) thúc đẩy nhanh “sự sụp đổ của Liên Xô”.

Từ nhận thức về vấn đề nêu trên, đề tài “**Chính sách của Mỹ đối với Liên Xô trong giai đoạn 1985 - 1991**” có ý nghĩa thực tiễn từ việc phân tích, đánh giá ảnh hưởng của chính sách đối ngoại của nước Mỹ tới tới sự sụp đổ của Liên Xô nói riêng, và ảnh hưởng tới phe Xã hội Chủ nghĩa nói chung trong cuối thời kỳ Chiến Tranh Lạnh. Từ đó góp phần phục vụ cho việc phân tích sự ảnh hưởng của Chính sách Đối ngoại của Mỹ đến nền tảng chính trị quốc tế, khu vực nói chung, các nước Xã hội Chủ nghĩa và Việt Nam nói riêng.

Luận văn nghiên cứu chính sách của Mỹ (giai đoạn 1985 – 1991) với Liên Xô dựa trên cơ sở lý luận pháp lý, cơ sở lịch sử thực tiễn trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, tình hình thế giới, quan hệ Mỹ - Xô thời kỳ đó. Từ đó phân tích sự thay đổi của chính sách Mỹ qua các giai đoạn ở cuối Chiến Tranh Lạnh dựa trên các diễn biến chính trị, kinh tế, quân sự và từ đó nêu ra các bài học, thách thức cho không chỉ các nước Xã hội Chủ nghĩa, mà còn cho các nước nhỏ chịu ảnh hưởng.

Trên cơ sở nghiên cứu, tác giả phân tích thực trạng cảnh quan, diễn biến lịch sử theo góc độ từ phía bên ngoài, trình bày rõ các chiêu bài trong chính sách đối ngoại của Mỹ tạo ảnh hưởng lên nền chính trị của một nước lớn. Đáng chú ý trong đề tài là nêu rõ 04 chiêu bài Mỹ đã dùng để thúc đẩy nhanh sự sụp đổ của Liên Xô thời kỳ đó và 05 hệ lụy của Chính sách đối ngoại Mỹ thời kỳ đó lên tình hình Mỹ - Xô. Bên cạnh đó, luận văn cũng chỉ rõ mối quan hệ Mỹ - Nga ngày nay hình thành cốt lõi từ lịch sử hai nước, kế thừa từ mối quan hệ Mỹ - Xô cũng như các chiêu bài Mỹ áp dụng với Nga cũng được lặp lại qua các hình thức như chạy đua vũ trang, tuyên truyền, mua chuộc, áp đặt chính sách, can thiệp chính trị, phê phán nhân quyền... đối với các nước nhỏ ngày nay, đặc biệt đối với các nước Xã hội Chủ nghĩa.

43. Đề tài: Sự tham gia của Việt Nam trong Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) sau năm 2015

Học viên: Đàm Phú Hưng

Trải qua gần nửa thế kỷ hình thành và phát triển, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã trở thành một tổ chức hợp tác khu vực quan trọng ở châu Á-Thái Bình Dương và trên thế giới. Với việc thành lập Cộng đồng ASEAN (kể từ 31/12/2015), các nước thành viên ASEAN đã đưa hợp tác khu vực lên một tầm cao mới, “gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, chia sẻ trách nhiệm xã hội và thực sự hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm”. Trong đó, trụ cột Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN (APSC) sẽ góp phần tạo dựng một Cộng đồng đoàn kết, có tinh thần hợp tác chặt chẽ, hướng tới tương lai của khu vực, hòa hợp về lợi ích, hòa bình, ổn định, thịnh vượng và đối phó hiệu quả với những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, điều này hoàn toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam.

Với trình độ phát triển của mình, việc cùng các nước ASEAN tham gia APSC đặt ra cho Việt Nam nhiều cơ hội và những thách thức mới, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, phân tích và đánh giá nghiêm túc, qua đó, không chỉ tham gia “xây dựng” mà còn thành công trong “tồn tại và phát triển” với APSC. Từ sau năm 2015, ASEAN bước vào giai đoạn phát triển mới - Cộng đồng ASEAN, trong bối cảnh tình hình chính trị - an ninh quốc tế và khu vực có chiều hướng diễn biến phức tạp hơn, điều này cũng sẽ tác động đến lợi ích của mỗi quốc gia thành viên cũng như sự hợp tác trong ASEAN. Do đó, việc nghiên cứu sự tham gia của Việt Nam trong Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) sau năm 2015 là rất cần thiết để có thể đánh giá triển vọng và đưa ra những đề xuất chính sách phù hợp cho việc Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN trong giai đoạn mới.

Với đề tài luận văn “Sự tham gia của Việt Nam trong Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) sau năm 2015”, tác giả đã chứng minh được Cộng đồng ASEAN là bước phát triển mới của hợp tác ASEAN, trong đó đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng, triển vọng của Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN đối với việc duy trì hoà bình, ổn định khu vực, đối phó với những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên, chia sẻ chuẩn mực chung; ngoài việc phân tích sự chủ động tham gia của Việt Nam trong tiến trình APSC, luận văn đã nêu được những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi tham gia APSC (lợi ích, cơ hội, thách thức...).

Trên cơ sở những nghiên cứu, đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số khuyến nghị, biện pháp cụ thể đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam thời gian tới, phù hợp với các nội dung đã thỏa thuận trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN nói chung và APSC nói riêng.

44. Đề tài: Chiến lược xây dựng cường quốc biển của Trung Quốc sau Đại hội XVIII

Học viên: Nguyễn Anh Ngọc

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc và Công ước quốc tế về Luật Biển có hiệu lực, các quốc gia ven biển tăng cường vươn ra biển, phát huy mọi nguồn lực từ biển để phát triển, củng cố lợi ích, an ninh và ảnh hưởng. Đối với Trung Quốc, sau thời gian dài ít quan tâm và chưa có nhiều nguồn lực đầu tư, nước này cũng thay đổi tư duy và bắt đầu đẩy mạnh vươn ra đại dương để phục vụ và xứng tầm với vị thế của một nước lớn đang trỗi dậy mạnh mẽ. Việt Nam là quốc gia ven biển kề cận, vừa có quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, vừa tồn tại tranh chấp biển đảo gay gắt với Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, việc tìm hiểu chính sách, hành động của Trung Quốc liên quan đến biển, trên các bình diện và nội dung khác nhau, là cần thiết cả về nhận thức và thực tiễn.

Luận văn với đề tài “**Chiến lược xây dựng cường quốc biển của Trung Quốc sau Đại hội XVIII**” đã tập trung phân tích cơ sở hình thành, mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp triển khai chiến lược này của Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2016; đánh giá xu thế, tác động của việc Trung Quốc xây dựng cường quốc biển đối với khu vực và Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Trung Quốc xác định với tư cách là một cường quốc biển trong tương lai, nước này phải hội tụ đầy đủ sức mạnh tổng hợp tầm cỡ thế giới về các ngành kinh tế biển, sức mạnh hải quân và khả năng chi phối trật tự trên nhiều vùng biển quốc tế; đảm bảo các giá trị cốt lõi đặc thù là mở rộng không gian sinh tồn, phát triển, hiện thực hóa yêu sách chủ quyền, lợi ích tại Biển Đông và Hoa Đông; khẳng định vai trò bá chủ tại châu Á và cạnh tranh với Mỹ trên phạm vi toàn cầu. Trong quá trình triển khai chiến lược, Trung Quốc đã hoàn thiện thể chế, chính sách, kiện toàn các cơ quan chức năng; ưu tiên ba nhiệm vụ trọng tâm là nâng tầm sức mạnh hải quân, phát triển kinh tế biển và hiện thực hóa yêu sách “chủ quyền” đối với các vùng biển đảo có tranh chấp với các nước láng giềng bằng lối ứng xử cường quyền, bất chấp luật pháp quốc tế, đặc biệt là hoạt động thay đổi nguyên trạng và quân sự hóa Biển Đông.

Chiến lược mà Trung Quốc đang theo đuổi mang lại những cơ hội kinh tế và bài học về phát triển kinh tế biển, song cũng gây ra nhiều hệ lụy phức tạp về an ninh, lợi ích và chủ quyền biển đảo của nhiều nước láng giềng, nhất là Việt Nam; đe dọa môi trường hòa bình, ổn định ở khu vực và gây quan ngại cho cộng đồng quốc tế nói chung.

Từ những nghiên cứu, đánh giá đó, tác giả đã nêu ý kiến gợi mở và nhấn mạnh thêm một số phương hướng, biện pháp cụ thể đối với Việt Nam, nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo, tối đa hóa lợi ích, an ninh quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình để hội nhập và phát triển. Tác giả cho rằng, về nguyên tắc, Việt Nam cần khéo léo vận dụng, phát huy các điều kiện thuận lợi từ chiến lược xây dựng cường quốc biển của Trung Quốc; đồng thời cảnh giác, chủ động ứng xử với các hành động làm phức tạp tình hình tranh chấp và môi trường an ninh trên Biển Đông mà Trung Quốc có thể tiến hành. Điều quan trọng là Việt Nam cần kết hợp tốt giữa tăng cường năng lực phòng thủ, chấp pháp biển, phát triển kinh tế biển với sử dụng linh hoạt các biện pháp hòa bình để bảo vệ chủ quyền, lợi ích trên Biển Đông theo luật pháp quốc tế./.

45. Đề tài: Hợp tác của Mỹ với các nước tiểu vùng sông Mê-kông từ 2009 đến nay

Học viên: Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nằm trong xu thế hợp tác - kết nối vốn là đặc điểm nổi trội từ đầu thế kỷ XX, các quốc gia tiểu vùng sông Mê-kông không ngừng xây dựng các chương trình và cơ chế hợp tác liên vùng như Chương trình hợp tác tiểu vùng Mê-kông mở rộng (GMS), Ủy hội sông Mê-kông (MRC), Hợp tác phát triển lưu vực sông Mê-kông - ASEAN (AMBDC), Tam giác phát triển Việt Nam – Lào - Campuchia (CLV) ... vì mục tiêu phát triển bền vững chung. Tuy nhiên, những hợp tác tiểu vùng này đòi hỏi việc xây dựng các mối liên kết trên nhiều lĩnh vực cần có sự tham gia của một đối tác nước lớn. Cũng trong khoảng thời gian này, Mỹ có những thay đổi đáng kể trong chính sách đối ngoại mà nổi bật là chính sách “xoay trục” sang Châu Á – Thái Bình Dương, cùng sự tập trung lớn hơn tới Đông Nam Á. Đây là nền tảng để Mỹ có thể can dự một cách có hệ thống hơn tại khu vực này. Việc nghiên cứu các nỗ lực hợp tác của Mỹ tại khu vực này giúp nhận thức những kế thừa và điều chỉnh chính sách đối ngoại của chính quyền Obama với Đông Nam Á nói chung, và nhóm các nước hạ lưu sông Mê-kông nói riêng; từ đó, góp phần đưa ra một số đề xuất thực thi chính sách đối ngoại của Việt Nam với một đối tác hàng đầu là Mỹ.

Luận văn “Hợp tác của Mỹ với các nước tiểu vùng sông Mê-kông từ 2009 đến nay” tập trung nghiên cứu nội dung các hoạt động hợp tác phát triển của Mỹ tại khu vực với nhóm đối tác đa quốc gia là các nước yếu thế hơn trong tiểu vùng sông Mê-kông từ 2009 đến nay. Tác giả nỗ lực phân tích và lượng hóa những chương trình/dự án trong khuôn khổ hợp tác để có thể đưa ra một số đánh giá những kết quả đạt được, những mặt tích cực cũng như hạn chế của hợp tác. Thông qua hàng loạt các hỗ trợ, từ tài chính cho tới các hỗ trợ nguồn lực kỹ thuật từ không chỉ Mỹ mà cả các đối tác phát triển khác, các hoạt động trong khuôn khổ này đã giúp các nước hạ nguồn bổ sung nguồn lực nhằm nhanh chóng rút ngắn khoảng cách và giảm thiểu vị thế bất lợi ở hạ nguồn so với Trung Quốc, đồng thời cũng tạo đà cho các hợp tác tương tự với các đối tác khác trong tương lai.

Từ những đánh giá trên, tác giả mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quan hệ giữa Việt Nam với Mỹ trong tương lai gần trên nhiều lĩnh vực mà một trong đó là hướng tới khai thác bền vững sông Mê-kông, tăng cường năng lực quốc gia trong đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống mà vẫn duy trì được nguồn lực và quan hệ cân bằng với các nước lớn khác.

46. Đề tài: Quan hệ Mỹ - ASEAN trong vấn đề Biển Đông

Học viên: Lê Thị Nguyệt Anh

Thời gian gần đây, Trung Quốc thay đổi chính sách Biển Đông, đầu tư lớn cho hiện đại hóa quốc phòng, tập trung ưu tiên các lĩnh vực hải quân, không quân và quân sự vũ trụ nhằm mục đích kiểm soát Biển Đông. Điều này đã làm lo ngại các quốc gia ASEAN và Mỹ. Cả Mỹ và ASEAN đều coi việc duy trì sự ổn định trên Biển Đông đóng vai trò then chốt đối với lợi ích kinh tế và an ninh khu vực. Không những thế Mỹ còn lo ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc, đe dọa an ninh của Mỹ và đồng minh. ASEAN nếu không giải quyết được vấn đề Biển Đông sẽ mất đi vai trò trung tâm của mình. Có những lợi ích đan xen và chòng chéo lẫn nhau ở Biển Đông như vậy nên Mỹ và ASEAN đã có những thay đổi trong lập trường, chính sách, thắt chặt quan hệ.

Giai đoạn từ 1991-2001, Mỹ bắt đầu có những thay đổi nhất định trong lập trường của mình đối với khu vực Biển Đông. Quan hệ Mỹ - ASEAN trong vấn đề Biển Đông bắt đầu hình thành, sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Biển Đông bắt đầu nhiều lên. Giai đoạn 2001-2009, sự hiện diện của Mỹ ở khu vực dày hơn, hai bên cũng đã tăng cường hợp tác quân sự với nhau nhiều hơn. Đến giai đoạn 2009-02/2016, quan hệ Mỹ và ASEAN đã đi vào thực chất, Mỹ can dự nhiều hơn, tỏ ra quan tâm đến vấn đề Biển Đông hơn các giai đoạn trước. Các nước ASEAN cũng tăng cường hợp tác song phương cũng như đa phương với Mỹ. Các cuộc viếng thăm, tập trận giữa hai bên diễn ra thường xuyên hơn. Hai bên đều rất tích cực nỗ lực giải quyết vấn đề Biển Đông.

Triển vọng quan hệ Mỹ - ASEAN trong vấn đề Biển Đông trong tương lai vẫn sẽ là tăng cường hợp tác, hai bên sẽ cân đến nhau để bảo vệ những lợi ích riêng của mình trong vấn đề này. Mỹ sẽ tiếp tục ủng hộ việc duy trì vai trò của luật pháp và luật lệ, tăng cường hợp tác biển với ASEAN và xây dựng năng lực biển cho các nước ASEAN, đồng thời đẩy mạnh sự hiện diện hải quân và không quân nhằm tăng cường tính minh bạch của vùng biển này, tạo ra một bức tranh hoạt động chung cho cả khu vực thông qua việc chia sẻ thông tin. ASEAN sẽ giữ thái độ cân bằng để không bị đẩy vào thế lựa chọn giữa Trung Quốc và Mỹ. Tuy nhiên, cũng có những yếu tố không lường trước được, vì Mỹ luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, Mỹ sẽ cân bằng các chính sách để điều hòa và cân bằng các lợi ích của mình, và Trung Quốc cũng là một nhân tố biến hóa khôn lường, do đó Việt Nam cũng như ASEAN cần phải chủ động, không quá phụ thuộc, trông chờ vào Mỹ.

47. Đề tài: Hợp tác giữa CHDCND Lào và các tổ chức phi chính phủ quốc tế Mỹ trong giai đoạn 2010 – 2015”

Học viên: Soukvisay Linsomphou

Các INGO có vai trò đặc biệt quan trọng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế tại các nước đang phát triển. Thứ hai, quan hệ hợp tác giữa CHDCND Lào và các INGO Mỹ là tiêu biểu nhất cho thực trạng quan hệ hợp tác giữa chính phủ Lào và các INGO tại Lào hiện nay. Luận văn đặt ra mục tiêu nghiên cứu làm rõ quá trình hợp tác giữa CHDCND Lào với các INGO Mỹ trong giai đoạn 2010 - 2015; nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể là chương 1 sẽ phân tích cơ sở thực tiễn và pháp lý, chương 2 sẽ làm rõ các lĩnh vực, chương trình hợp tác cụ thể và đánh giá kết quả, chương 3 sẽ phân tích cơ hội và thách thức, triển vọng của quá trình hợp tác này trong thời gian đến và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác trong tương lai.

Luận văn đưa đến một kết luận chung là quan hệ giữa các chủ thể quốc gia như CHDCND Lào với các tổ chức INGO Mỹ đã đạt được nhiều kết quả trong quá trình triển khai hợp tác. Từ phía CHDCND Lào, sự hợp tác này đã dẫn đến sự phát triển về kinh tế - xã hội, đặc biệt là xoá đói giảm nghèo tại Lào. Ngoài ra, quan hệ của CHDCND Lào với các INGO cũng như với chính phủ Mỹ cũng được mở rộng. Từ phía các INGO Mỹ, quá trình hợp tác này đã giúp họ thực hiện các mục tiêu hoạt động của mình tại một nước đang phát triển là CHDCND Lào, nâng cao đời sống nhân dân và phổ biến các tiêu chuẩn về đời sống, dân chủ và nhân quyền của Mỹ tại CHDCND Lào.

48. Đề tài: Chính sách của Mỹ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Obama và tác động đến Việt Nam

Học viên: Nguyễn Trường Thành

Ngày 20 tháng 1 năm 2009, Tổng thống Barack Obama, vị Tổng thống thứ 44 của nước Mỹ, chính thức nhậm chức và tiếp quản từ người tiền nhiệm George W. Bush. Nhận thấy những cơ hội và tiềm năng to lớn mà khu vực Châu Á – Thái Bình Dương có thể mang lại cho nước Mỹ để có thể tiếp tục phát triển và củng cố vị trí siêu cường số một thế giới, chính quyền Tổng thống Obama đã đưa ra quyết định tiến hành điều chỉnh chính sách mang tính chiến lược theo hướng tăng cường quan hệ với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Luận văn với Đề tài: **“Chính sách của Mỹ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Obama và tác động đến Việt Nam”**, đã tập trung làm rõ nội dung chính sách đối ngoại của Mỹ đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Obama và sự triển khai chính sách này trên thực tế, qua đó nêu lên những tác động của nó đối với Việt Nam. Luận văn đi vào phân tích những nhân tố chủ yếu tác động đến sự điều chỉnh chính sách của chính quyền Obama đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (bao gồm: bối cảnh quốc tế, khu vực, và tình hình nội bộ của nước Mỹ khi đưa ra quyết định điều chỉnh chính sách; vị trí, vai trò, và tầm quan trọng của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đối với nước Mỹ; khái quát chính sách đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của các Chính quyền tiền nhiệm). Luận văn cũng phân tích nội dung và sự triển khai điều chỉnh chính sách của Chính quyền Obama đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (bao gồm: mục tiêu, nội dung của việc điều chỉnh chính sách; sự triển khai điều chỉnh cụ thể theo các hướng; nhận xét, đánh giá việc điều chỉnh chính sách). Trong luận văn này còn phân tích tác động của việc điều chỉnh chính sách đối với Việt Nam, bao gồm: sự triển khai chính sách của Mỹ đối với Việt Nam; tác động của việc điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Việt Nam; những khuyến nghị về chính sách của Việt Nam đối với Mỹ.

Đề tài góp phần làm rõ nội dung và quá trình triển khai chính sách của Mỹ đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2009 đến nay. Ngoài ra đề tài sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy môn quan hệ quốc tế và những ai quan tâm đến chính sách của Mỹ đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

49. Đề tài: **Những tiến triển trong quan hệ Mỹ - Việt trong lĩnh vực chính trị - an ninh kể từ khi bình thường hóa đến nay**

Học viên: *Vũ Thị Quỳnh Phương*

Kể từ khi bình thường hoá đến nay, quan hệ Mỹ - Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trên con đường hợp tác cùng có lợi theo tinh thần “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai”. Hai nước đã cùng nhau phát triển các quan hệ nhiều mặt từ chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại, đầu tư, đến quốc phòng, an ninh, khoa học - công nghệ, giáo dục... mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước, góp phần bảo đảm hoà bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế. Quan hệ Mỹ - Việt trong 2 thập niên qua đã có những tiến triển mới, đặc biệt từ thời chính quyền B. Obama mỗi quan hệ này đã có những tiến triển tích cực trên nhiều lĩnh vực không chỉ trong lĩnh vực chính trị, an ninh mà còn trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, văn hoá, y tế... Việc nghiên cứu những tiến triển mới quan hệ này trong 2 thập kỷ qua có tính thời sự cao, qua đó giúp nhận thức những điểm kế thừa và điều chỉnh chính trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama với Việt Nam, từ đó góp phần vào việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Việt Nam với một đối tác hàng đầu là Mỹ.

Luận văn với đề tài: **“Những tiến triển trong quan hệ Mỹ - Việt trong lĩnh vực chính trị - an ninh kể từ khi bình thường hóa đến nay”** đã tập trung nghiên cứu quan hệ Mỹ - Việt Nam giai đoạn 1995 – 2009, tập trung phân tích quan hệ Mỹ - Việt Nam thời Tổng thống B. Clinton và G.W. Bush và nêu bật những thành tựu và vấn đề còn tồn tại trong quan hệ Mỹ - Việt thời Clinton và G.W. Bush trong lĩnh vực chính trị, an ninh. Phân tích những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị, an ninh thời Tổng thống B.Obama bao gồm những nhân tố bên trong (Mỹ, Việt Nam) và nhân tố quốc tế (khu vực và thế giới) Luận văn nêu ra những bước tiến trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng trong đó khái niệm an ninh đề cập ở đây được hiểu theo hai khía cạnh an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Những nội dung trên được phân tích dưới dạng triển khai chính sách của hai bên trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được trong giai đoạn trước và những yếu tố mới nảy sinh trong giai đoạn mới. Đặc biệt là các chuyến thăm mang tính lịch sử của lãnh đạo 2 nước đó là: Chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (7.2013), chuyến thăm xác lập quan hệ “Đối tác toàn diện”; Chuyến thăm của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng (7.2015), chuyến thăm này được đánh giá là “chuyến thăm lịch sử” của một Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam lần đầu tiên sang thăm Mỹ; Chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Obama (5.2016), chuyến thăm thể hiện một bước tiến dài trong tư duy của các nhà lãnh đạo Mỹ với Việt Nam, mở ra một chương mới cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn nêu ra một số dự báo về triển vọng quan hệ Mỹ - Việt Nam trong thời gian tới, một số khuyến nghị cho chính sách của Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện với Mỹ phù hợp với mục tiêu đối ngoại và lợi ích của Việt Nam.

50. Đề tài: Vai trò của ASEAN trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ đến năm 2020

Học viên: Nguyễn Thành Huy

Kể từ đầu thế kỷ XXI đến nay, cục diện khu vực CATBD có nhiều biến chuyển mạnh mẽ. CATBD trở thành khu vực phát triển năng động nhất thế giới, thu hút sự quan tâm và tranh giành ảnh hưởng của nhiều nước lớn trong và ngoài khu vực. Với sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc và sự điều chỉnh trong chính sách của Mỹ tại CATBD, khu vực Đông Á, mà cụ thể là Đông Nam Á, đang dần trở thành địa bàn có tầm quan trọng đặc biệt đối với chính sách của Mỹ tại khu vực. ASEAN hiện giữ vai trò chủ đạo trong các cơ chế của khu vực và Mỹ ngày càng coi trọng vai trò của ASEAN trong triển khai chính sách khu vực của Mỹ ở CATBD trong những năm gần đây. Tuy nhiên, thời gian vừa qua, các nước lớn và đối tác của ASEAN đang thúc đẩy một số sáng kiến mới có thể có những hệ lụy về chính trị-an ninh và kinh tế làm suy giảm vai trò của ASEAN.

Từ Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2011, Việt Nam ta đã xác định ASEAN là một trong những trụ cột quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam nhằm duy trì hoà bình, ổn định tại khu vực, tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế và khu vực, phát triển đất nước và bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia. Luận văn "*Vai trò của ASEAN trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ đến năm 2020*" học viên sẽ tập trung phân tích vai trò của ASEAN trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ 2011 đến 2020. Để đạt được mục tiêu này, luận văn cũng sẽ phân tích những nhân tố tác động đến vai trò của ASEAN, các đặc điểm cơ bản của quan hệ ASEAN - Mỹ, chiều hướng quan hệ ASEAN - Mỹ và từ đó xác định chính sách nên có của Việt Nam trước những thách thức và cơ hội được tạo ra từ tác động của môi quan hệ này.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, luận văn muốn cung cấp một phân tích toàn diện về vai trò của ASEAN trong chính sách khu vực của Mỹ, đánh giá chiều hướng triển vọng vai trò của ASEAN trong chính sách của Mỹ, và đưa ra một số kiến nghị có tính thực tiễn đối cho chính sách của Việt Nam trong khi ứng xử với môi quan hệ ASEAN-Mỹ trong thời gian tới./.

51. Đề tài: Vấn đề quản lý tuyến biên giới trong quan hệ Lào – Việt Nam

Học viên: Phousavang Phommachack

Biên giới quốc gia là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp tác động đến mọi quốc gia, ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề quản lý, giữ vững ổn định an ninh tuyến biên giới Lào – Việt Nam.

Quan hệ Lào và Việt Nam là mối quan hệ hữu nghị đặc biệt được hai Đảng, hai Nhà nước, nhân dân hai nước thiết lập từ lâu đời. Vấn đề hợp tác trong quản lý tuyến biên giới chung được hai nước đặc biệt quan tâm và nỗ lực xây dựng đường biên giới hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Luận văn với đề tài: “**Vấn đề quản lý tuyến biên giới trong quan hệ Lào – Việt Nam**” đã tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý tuyến biên giới cũng như nêu lên thực trạng công tác quản lý đường biên giới chung Lào – Việt Nam; phân tích tiến trình hợp tác cũng như quá trình hai nước nỗ lực thực hiện những biện pháp nhằm đảm bảo an ninh tuyến biên giới; đánh giá những thành tựu đã đạt được, đồng thời đưa ra những hạn chế, khó khăn còn tồn tại trong công tác quản lý. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra dự báo về tình hình an ninh khu vực trong 5 năm tới cũng như những giải pháp và khuyến nghị đối với Nhà nước, các bộ ban ngành để giữ vững an ninh biên giới và xây dựng đường biên giới hoà bình và phát triển trong tương lai, giữ vững mối quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa Lào và Việt Nam.

Tóm lại, quản lý tuyến biên giới Lào – Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nhà nước CHDCND Lào, góp phần quan trọng tạo ra môi trường xã hội ổn định và phát triển lành mạnh trong quá trình mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh – quốc phòng ở các tỉnh biên giới của Lào.

52. Đề tài: Quan Hệ Campuchia-Việt Nam từ năm 1999 đến nay

Học Viên : Hak Tekngy

Campuchia-Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1967, trải qua những thăng trầm lịch sử, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa Campuchia-Việt Nam đã và đang hai nước tiếp tục phát triển theo phương châm “ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” trên nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực chính trị ngoại giao, lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực an ninh quốc phòng, lĩnh vực văn hóa và du lịch và vấn đề biên giới. Trong đó nhiệm vụ quan trọng là công tác phân giới cắm mốc biên giới giữa Campuchia và Việt Nam cũng tiếp tục được hai bên phối hợp triển khai tích cực và cùng khẳng định quyết tâm đẩy mạnh hợp tác để sớm hoàn thành công tác này, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và cùng nhau phát triển.

Quan hệ Campuchia-Việt Nam trong quá trình phát sinh, phát triển được bắt nguồn từ những nhân tố về địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội và được tăng cường bởi chính sách đối ngoại láng giềng hữu nghị giữa hai dân tộc, nhân tố này không chỉ mang tính thuận chiều, tức là tạo điều tiêu cực, nhất là những vấn đề do lịch sử để lại, sự tranh giành ảnh hưởng của các cường quốc tại khu vực.

Trong thời gian qua, Campuchia và Việt Nam vẫn không ngừng củng cố, tăng cường sự hợp tác kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng trong khu vực và quốc tế, tạo sức mạnh tổng hợp đưa hai nước hai dân tộc cùng tiến lên theo con đường độc lập tự chủ, phát triển và thịnh vượng.

Luận văn với đề tài : **“Quan hệ Campuchia-Việt Nam từ năm 1999 đến nay”** đã tập trung nghiên cứu và làm rõ về quan hệ trên mỗi lĩnh vực trong đó có lĩnh vực chính trị ngoại giao, lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực an ninh quốc phòng, lĩnh vực văn hóa và du lịch và vấn đề biên giới trong giải đoạn từ năm 1999 đến nay.

Hơn nữa, trong luận văn đã có những đánh giá quan hệ Campuchia-Việt Nam, những kết quả đạt được, những hạn chế và các vấn đề tồn đọng và triển vọng.

53. Đề tài: Ảnh hưởng của khủng hoảng Ukraine đến quan hệ Nga - EU

Học viên: Nguyễn Tuấn Hưng

Nằm trên vùng đất chiến lược của thế giới, lại là hai thực thể lớn nhất châu Âu, mối quan hệ hợp tác Nga- EU luôn có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định của cả châu lục và thế giới. Tuy nhiên, quan hệ hai bên chưa bao giờ ổn định mà luôn có những lúc thăng lúc trầm. Trong thế kỷ XXI đầy biến động, sự mở rộng của EU và NATO về hướng Đông là nhân tố trung tâm của một chiến lược nhằm bao vây nước Nga, bằng cách kết nạp các nước có tư tưởng chống Nga hoặc có chung đường biên giới với Nga : Séc, Hungary và Ba Lan (1999); Bulgaria, Estonia, Latvia, Litva, Romania, Slovakia và Slovenia (2004). Đỉnh điểm là chiến lược nhằm đưa Ukraine ra khỏi quỹ đạo kiểm soát của Nga và đưa quốc gia này gia nhập phương Tây. Ngày nay, Ukraine sở hữu vị trí địa chiến lược vô cùng quan trọng, là lá chắn lớn nhất giữa các nước Tây Âu và Nga, nơi mà cả Nga cũng như phương Tây đều muốn tranh giành ảnh hưởng.

Luận văn với đề tài: “**Ảnh hưởng của khủng hoảng Ukraine đến quan hệ Nga - EU**” đã tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng Ukraine 2014 đã tác động ra sao tới mối quan hệ giữa Nga và Liên minh châu Âu EU. Trong luận văn, có thể thấy được quan điểm và hành động của Nga – EU dành cho nhau theo chiều dài diễn biến cuộc khủng hoảng Ukraine. Đánh giá và đưa ra kết quả tác động của mối quan hệ căng thẳng Nga – EU tới các yếu tố như : chính trị, ngoại giao, kinh tế, an ninh khu vực.

Tuy trong thời gian gần đây, chiến trường Ukraine đã có nhiều chuyển biến bằng những thỏa thuận hòa bình dành cho phe chính phủ và phe ly khai nhưng với việc Nga – EU chưa tìm được tiếng nói chung trên bàn đàm phán, mối quan hệ Nga – EU vẫn đang trong tình trạng căng thẳng, đóng băng. Việc trừng phạt kinh tế lẫn nhau giữa Nga – EU đã dẫn tới sự bế tắc và bất ổn lâu dài trên toàn châu Âu, tạo nên cuộc khủng hoảng kinh tế ở Nga, khủng hoảng nợ công ở EU. Vì thế, diễn biến và triển vọng quan hệ Nga- EU trong thời gian tới vẫn còn rất mờ mịt và khó đoán định.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả muốn mọi người có cái nhìn sâu sắc và đầy đủ hơn về cuộc khủng hoảng chính trị đang diễn ra ở Ukraine, cuộc đối đầu Đông – Tây mạnh mẽ giữa các cường quốc kể từ sau Chiến tranh Lạnh kết thúc. Cùng với đó là sự tranh giành địa chính trị với sự tham gia của Nga và EU, ảnh hưởng của nó tới vấn đề an ninh khu vực cũng như nền kinh tế châu Âu và thế giới.

54. Đề tài: Vai trò của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Liên hợp quốc từ năm 2005 đến 2015

Học viên: Manosone CHALEUPHON

Sau hơn 60 năm gia nhập Liên Hiệp Quốc, Lào đã và đang cùng các thành viên khác tích cực, nỗ lực thực hiện các hoạt động của Liên Hợp Quốc, góp phần quan trọng vào việc củng cố môi trường hòa bình và ổn định trên thế giới, trong khu vực, cũng như tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường sức mạnh và uy tín của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên trường Quốc tế. Việc nghiên cứu, đánh giá một cách hệ thống kết quả hợp tác của Lào với các nước thành viên Liên Hiệp Quốc từ khi Lào gia nhập tổ chức này cho đến nay và qua đó phân tích vai trò Lào tại Liên Hiệp Quốc có ý nghĩa rất thiết thực không chỉ về mặt học thuật trong nghiên cứu quan hệ quốc tế của Lào mà cả về mặt thực tiễn của việc hoạch định chính sách đối ngoại của Lào. Ngoài ra, việc phân tích vai trò của Lào tại Liên Hiệp Quốc sẽ giúp hiểu rõ hơn về cơ chế hoạt động của Liên Hiệp Quốc, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm giúp Lào tăng cường vai trò tại Liên Hợp Quốc cũng như tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước, góp phần giúp Lào thực hiện các mục tiêu về chính trị, an ninh, kinh tế và văn hoá, xã hội thông qua việc tham gia sân chơi chung Liên Hiệp Quốc. Với ý nghĩa khoa học và thực tiễn đó, người viết đã chọn vấn đề: “*Vai trò của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào tại Liên Hợp Quốc từ 2005 đến 2015*” làm đề tài luận văn cao học của mình.

Luận văn đã tập trung nghiên cứu về những hoạt động, đóng góp của Lào tại Liên Hiệp Quốc từ năm 2005 đến nay. Kết quả nghiên cứu của luận văn đó là đã làm rõ các mục tiêu chính sách của Lào khi tham gia vào Liên Hợp Quốc. Đặc biệt luận văn đã phân tích về quá trình Lào đã tham gia Liên Hợp Quốc từ năm 2005 đến năm 2015 thông qua các hoạt động của Lào tại Liên Hợp Quốc với tư cách là một thành viên tích cực và với tư cách là một thành viên của tổ chức ASEAN tham gia vào công việc chung của Liên Hợp Quốc. Qua đó luận văn đã đánh giá về những đóng góp, vai trò của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào tại Liên Hợp Quốc, đồng thời đánh giá những mục tiêu chính sách đối ngoại Lào đã đạt được thông qua các hoạt động tại Liên Hợp Quốc. Trên cơ sở đó, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm giúp Lào nâng cao vai trò tại Liên Hợp Quốc cũng như trong việc hoạch định, điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình cho phù hợp. Ngoài ra, luận văn còn được ứng dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập chuyên ngành quan hệ quốc tế nói chung, nghiên cứu vấn đề vai trò của Lào tại Liên Hiệp Quốc nói riêng, cũng như đóng góp một phần nhỏ cho công tác chuyên môn của các cơ quan nghiên cứu, cơ quan làm công tác đối ngoại, cụ thể là các bộ phận tham mưu, hoạch định về đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách ngoại giao của Nhà nước Lào.

55. Đề tài: Tiến trình phát triển của diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và tác động đến Việt Nam

Học viên: *Trịnh Quang Minh*

Những năm gần đây, xu thế đa cực hóa cấu trúc an ninh toàn cầu nói chung, khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng đang chuyển từ định hướng sang định hình. Trong đó, các liên minh song phương do Mỹ chi phối vẫn tồn tại; các thể chế đa phương khu vực ASEAN tiếp tục phát triển; sự “trỗi dậy” của Trung Quốc và vai trò “nước lớn quân sự” của Nhật Bản là những vấn đề quan trọng, đã và đang chi phối sự hình thành, phát triển của cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trải qua hơn 20 tồn tại và phát triển ARF giờ đây không còn là cơ chế duy nhất về hợp tác an ninh tại khu vực nữa. Nhiều cơ chế khác được hình thành và thiết lập tồn tại song song. Điều này đặt ra nhiều câu hỏi cho vai trò thực sự cũng như vị trí của ARF trong không gian chính trị toàn cầu.

Đồng hành từ khi thành lập cho đến nay, Việt Nam là một trong những nước tham gia chủ động và tích cực nhất trong khu vực. Và với việc nhiều thể chế khác được thành lập cùng với ARF thì Việt Nam nên phân bổ sự tập trung và tham gia như thế nào; Sau khoảng thời gian hơn 20 năm tham gia thì Việt Nam có những thuận lợi, thách thức và rút ra được bài học gì.

Luận văn với đề tài: "**Tiến trình phát triển của diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và tác động đến Việt Nam**" đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành nên thể chế chính trị ngoại giao làm rõ bản chất của diễn đàn ARF, đồng thời đánh giá cụ thể vị trí của ARF trên không gian chính trị toàn cầu, so sánh trong các trường hợp cụ thể với các thể chế khác như OSCE (Tổ chức An ninh và hợp tác châu Âu); AU (Tổ chức liên minh châu Phi)... Và vai trò ảnh hưởng của ARF đến việc định hình cấu trúc an ninh trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đặt trong sự so sánh với thể chế an ninh song phương và đa phương trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương như "Trục và nan hoa" của Mỹ, "Chuỗi ngọc trai" của Trung Quốc, gần nhất là với các thể chế hợp tác quân sự mới nổi như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM+) hay Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS). Dựa vào các trường hợp so sánh cụ thể như vậy để làm nổi bật ưu và nhược điểm của ARF trong suốt hơn 20 tồn tại phát triển.

Ngoài ra, trong luận văn đã có những đánh giá cụ thể về sự tham gia của Việt Nam trong diễn đàn ARF đồng thời đưa ra những bài học kinh nghiệm và phương hướng hoạt động của Việt Nam trong thời gian tới nhằm tận dụng tối đa các lợi thế và giảm thiểu khó khăn và thách thức tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

56. Đề tài: Chính sách ngoại giao kinh tế của Lào giai đoạn 2000-2015

Học viên: Soukbanchai BOUNBALITH

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, tình hình thế giới có nhiều thay đổi đáng kể. Đây là giai đoạn phát triển sôi động về kinh tế, là điểm sáng cho nền kinh tế thế giới và khu vực. Chính giai đoạn này là giai đoạn phát triển của chính sách ngoại giao kinh tế ở tất cả các nước, khi kinh tế trở thành mục tiêu và trở thành lĩnh vực ưu tiên hàng đầu của các nước trong quá trình hội nhập, hợp tác cùng phát triển.

Đối với Lào, giai đoạn này cũng là dấu mốc quan trọng đánh dấu quá trình hình thành của chính sách ngoại giao kinh tế. Dù thời gian đầu việc thực hiện chính sách ngoại giao kinh tế còn diễn ra một cách nhỏ lẻ, chưa đồng bộ và hạn chế trong khuôn khổ quan hệ với một số nước đối tác truyền thống, đến nay, chính sách ngoại giao kinh tế của Lào cũng dần được hoàn thiện và mở rộng trên tất cả các bình diện, tận dụng và phát huy mọi nguồn lực trong nước và quốc tế trở thành công cụ hiệu quả cho Lào để xây dựng và phát triển đất nước.

Nội dung cơ bản trong hướng triển khai **chính sách ngoại giao kinh tế của Lào giai đoạn 2000-2015** tập trung ở một số khía cạnh. Đó là: ngoại giao phục vụ kinh tế là công tác trọng tâm của toàn ngành ngoại giao và là đầu mối đề ra các chính sách; và phát huy sức mạnh của ngoại giao chính trị, ngoại giao văn hoá để khai thông, mở rộng và đưa quan hệ hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới đi vào chiều sâu; tiên phong trong việc khai mở các thị trường, các lĩnh vực hợp tác quốc tế mới phục vụ cho phát triển kinh tế. Trong quá trình thực hiện chính sách, Lào cũng không ngừng tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm của các nước, từng bước khắc phục những khó khăn, vướng mắc, hạn chế về nhận thức, về cơ chế chính sách, về cơ chế phối hợp, về cơ sở hạ tầng, về chất lượng nguồn nhân lực,..và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng giúp thu hẹp giúp đất nước thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên để phát huy được hiệu quả cao nhất đòi hỏi cần có một đội ngũ cán bộ chuyên trách có tâm với đất nước, đồng thời giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ. Đây là một thách thức không nhỏ đối với Lào trong công cuộc triển khai chính sách ngoại giao kinh tế nói riêng và trong quá trình hội nhập quốc tế nói chung.

57. Đề tài: Vấn đề giải trừ quân bị trong quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Barack Obama

Học viên: Nguyễn Hồng Hà

Vấn đề giải trừ quân bị, đặc biệt là giải trừ vũ khí hạt nhân luôn là mối quan tâm hàng đầu của nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam, do sức mạnh hủy diệt mà vũ khí này mang lại. Chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô sụp đổ, để lại hệ quả từ cuộc chạy đua vũ trang trong thời kỳ này là việc tồn đọng số lượng lớn vũ khí công nghệ cao, các tên lửa tấn công chiến lược tầm xa và tầm trung cùng kho đầu đạn hạt nhân khổng lồ. Nó đã trở thành gánh nặng cho cả Mỹ và Nga, bên cạnh đó số lượng các quốc gia sở hữu hạt nhân cũng tăng lên.

Đến đầu thế kỷ 21, Việc giải trừ quân bị càng trở nên cấp thiết hơn trước sự gia tăng của nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, mối đe dọa của việc những loại vũ khí, vật liệu chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt rơi vào tay các tổ chức khủng bố quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh của cả Mỹ và Nga. Bởi vậy, giải trừ quân bị đã trở thành nhu cầu thiết yếu của cả hai siêu cường về hạt nhân này. Nhưng với sự bất ổn, sự thiếu lòng tin sâu sắc trong quan hệ hai nước Mỹ - Nga, liệu vấn đề giải trừ quân bị có được giải quyết một cách triệt để?

Chính những lý do trên, học viên đã chọn đề tài “Vấn đề giải trừ quân bị trong quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Barack Obama” nhằm làm rõ những thách thức cũng như những cơ hội trong quan hệ Mỹ - Nga về vấn đề giải trừ quân bị và dự đoán triển vọng của vấn đề này sau năm 2016.

Luận văn chủ yếu làm rõ ba ý chính sau: (1) Khái niệm và lịch sử vấn đề giải trừ quân bị, trọng tâm là vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân trong quan hệ hai nước Mỹ - Nga. (2) Phân tích thực trạng quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Barack Obama (2009 - 2016), và tác động đến quan hệ hai nước trong vấn đề giải trừ quân bị liên quan đến vũ khí hạt nhân. (3) Đánh giá Tác động của quan hệ Mỹ - Nga đến vấn đề giải trừ quân bị và triển vọng. Đối tượng nghiên cứu chính của luận văn là Vấn đề giải trừ quân bị trong quan hệ Mỹ - Nga chủ yếu là trong vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân.

58. Đề tài: Quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba

Học viên: Lương Thị Khánh Hòa

Quan hệ Mỹ - Cuba là một chủ đề rất mới. Tuyên bố bình thường hóa quan hệ giữa hai nước sau hơn nửa thế kỷ gián đoạn là một bước ngoặt lớn, là một quyết định đầy bất ngờ sau hơn nửa thế kỷ “đoạn tuyệt” ngoại giao và được các học giả thế giới đánh giá là một sự kiện quốc tế đặc biệt thú vị và hấp dẫn. Hiện tại, chưa có nhiều công trình nghiên cứu tổng thể hay phân tích chuyên sâu nào đánh giá tổng quan về mối quan hệ Mỹ - Cuba, đặc biệt từ sau khi hai nước tuyên bố bình thường hóa. Vì vậy, những nghiên cứu trong luận văn về **“Quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba”** sẽ giúp giải đáp các câu hỏi: (1) Tại sao Mỹ và Cuba phải trải qua hơn nửa thế kỷ mới có thể đi đến quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao? (2) Tại sao Mỹ lại chọn thời điểm này để tiến hành bình thường hóa quan hệ?

Luận văn đưa ra những phân tích ở ba cấp độ: Cá nhân, quốc gia và hệ thống quốc tế để thấy được lý do tại sao hai nước phải trải qua một thời gian rất dài mới có thể bất ngờ đi đến bình thường hóa. Ở cấp độ cá nhân, đối với Mỹ, 10 đời Tổng thống đều coi chế độ XHCN ở Cuba là “cái gai trong mắt”, cần phải loại bỏ, nên chưa một vị lãnh đạo nước Mỹ nào thực sự cố gắng để xích lại gần hơn với Cuba. Bên cạnh đó, Cuba dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Fidel Castro, có sẵn sự thù địch đối với nước Mỹ, cộng thêm bối cảnh Chiến tranh Lạnh chia rẽ hai phe XHCN và tư bản chủ nghĩa, khiến ông Castro liên tục từ chối những dấu hiệu bình thường hóa từ phía Mỹ. Chỉ đến khi Tổng thống Mỹ Obama và Chủ tịch Raul Castro lên nắm quyền, hai nhà lãnh đạo mới thực sự có những bước đi tiến tới bình thường hóa quan hệ.

Ở cấp độ quốc gia, trước năm 2013, đặc biệt trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh, yếu tố ý thức hệ luôn chi phối mạnh mẽ đến đường lối, chính sách của cả hai quốc gia. Bên cạnh đó, cả Mỹ và Cuba đều không nghĩ đến việc bình thường hóa vì việc xích lại gần hơn chưa mang lại lợi ích gì nhiều, cả hai bên đều chỉ coi nhau là mối lo về mặt an ninh. Từ sau năm 2013, yếu tố ý thức hệ không còn quan trọng nữa, bên cạnh đó, việc hai nước xích lại gần nhau cũng giúp thúc đẩy các lợi ích quốc gia như an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch...

Ở cấp độ hệ thống quốc tế, khi chiến tranh Thế giới lần thứ II kết thúc, Mỹ và Liên Xô nổi lên với vai trò là siêu cường thế giới, giàu có và hùng mạnh. Thế nhưng, Xô - Mỹ với hai ý thức hệ đối lập đã đứng trên hai chiến tuyến trái ngược nhau. Nhưng từ sau sự kiện “cái bắt tay lịch sử” của hai nhà lãnh đạo Obama và Raul Castro tại lễ tưởng niệm cố Tổng thống Nam Phi Mandela năm 2013, cùng với xu thế hội nhập quốc tế, hai nước đã từng bước đẩy mạnh quá trình bình thường hóa quan hệ, dẫn đến tuyên bố lịch sử ngày 17/12/2015.

Luận văn cũng chỉ rõ trong ba cấp độ phân tích, yếu tố cá nhân là yếu tố cốt lõi nhất dẫn đến việc Cuba và Mỹ khép lại quá khứ đối đầu, hướng tới tương lai theo xu hướng hợp tác. Sự kiện hai nước bất ngờ tuyên bố bình thường hóa cho thấy quyết tâm và ý chí chính trị thực sự trong lực lượng lãnh đạo cả ở Mỹ và Cuba trong việc cởi trói mối quan hệ đã lạnh giá quá lâu này. Tuy nhiên, tái lập quan hệ ngoại giao mới chỉ là khởi đầu của quá trình bình thường hóa và tương lai còn nhiều khó khăn. Cuba và Mỹ đang bước vào một kỷ nguyên mới với những động thái tích cực cho dù con đường bình thường hóa toàn diện vẫn còn dài và phức tạp./.

59. Đề tài: Cạnh tranh Mỹ - Trung ở châu Á – Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI và tác động tới an ninh quốc gia Việt Nam.

Học viên: Nguyễn Hải Đăng

Sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, chính quyền Mỹ mở rộng cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, từ đó phải tăng chi tiêu cho quân sự trong nhiều năm tại các chiến trường, đặc biệt là Iraq và Afghanistan; cộng thêm một số vấn đề yếu kém trong điều hành kinh tế vĩ mô dẫn đến tình trạng khủng hoảng trầm trọng trong nền kinh tế Mỹ, làm cho sức mạnh của Mỹ bị suy yếu và trong thực tế vị thế số 1 của Mỹ trên trường quốc tế cũng đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Trong khi đó, tình hình thế giới có nhiều biến động, xu thế toàn cầu hóa là một nhân tố quan trọng khiến các nền kinh tế mới nổi vươn lên mạnh mẽ, đặt bên cạnh sự suy giảm sức mạnh của Mỹ làm cho tương quan lực lượng giữa Mỹ và các chủ thể khác thay đổi theo hướng bất lợi cho Mỹ. Điển hình trong số đó là Trung Quốc, nước này đã và đang gia tăng ảnh hưởng toàn cầu, nhất là tại châu Á - Thái Bình Dương và có ý đồ lấn át ảnh hưởng của Mỹ trong các tổ chức khu vực. Vì vậy, Mỹ buộc phải điều chỉnh chính sách theo hướng tăng cường quan hệ với châu Á để duy trì ưu thế, ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực cũng như sự thách thức của nước này đến vai trò và lợi ích của Mỹ. Điều đó khiến cho cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khu vực vốn đã, đang và sẽ trở thành một trung tâm địa chính trị cực kỳ quan trọng của thế giới, ngày càng trở nên phức tạp trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Thực tế là, cạnh tranh giữa các nước lớn luôn ảnh hưởng và gây ra hệ lụy trực tiếp trên toàn cầu cũng như quá trình xây dựng chính sách, chiến lược của các nước. Nghiên cứu cạnh tranh Mỹ - Trung luôn là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng, có giá trị thực tiễn cao trong nghiên cứu khoa học về quan hệ quốc tế và kiến nghị chính sách cho Việt Nam.

Luận văn với đề tài: “**Cạnh tranh Mỹ - Trung ở châu Á – Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI và tác động tới an ninh quốc gia Việt Nam**” đã tập trung nghiên cứu những nhân tố thúc đẩy cạnh tranh Mỹ - Trung ở Châu Á - Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI, lợi thế của từng nước và những điểm chính trong cuộc cạnh tranh này; phân tích những tác động của cạnh tranh Mỹ - Trung ở Châu Á – Thái Bình Dương đầu thế kỷ XXI đến an ninh quốc gia Việt Nam ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực; đồng thời nhận định về triển vọng của mối quan hệ này trong những năm tới.

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá nói trên, tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm tận dụng những điểm thuận lợi và khắc phục hạn chế trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, Việt Nam và Mỹ để huy động sức mạnh tổng thể trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

60. Đề tài: Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng Ukraine đến quan hệ giữa Nga và Trung Quốc

Học viên: Tạ Thị Loan

Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới, còn Liên Bang Nga (Nga) là nước có diện tích rộng nhất thế giới. Trung Quốc còn được biết đến như một cường quốc đang trỗi dậy về quân sự, chính trị, đặc biệt là kinh tế trong những năm gần đây. Sau khi Liên bang Xô Viết tan rã, nước Nga được thành lập, dù còn nhiều khó khăn, thách thức về kinh tế, chính trị,... nhưng với thế mạnh của mình về lãnh thổ cũng như về tài nguyên, đặc biệt là khoa học kỹ thuật thì hiện nay Nga vẫn được đánh giá là một cường quốc và có một vị trí quan trọng trên thế giới. Quan hệ giữa hai nước Nga và Trung Quốc có lịch sử phát triển lâu dài và tương đối phức tạp, sau chiến tranh lạnh quan hệ giữa hai nước được cải thiện và hợp tác trên các lĩnh vực ngày càng phát triển.

Cuộc khủng hoảng chính trị tại Ukraine xảy ra từ tháng 11/2013 đến nay đều được các nhà quan sát nhìn nhận như là sự kiện nghiêm trọng nhất ở châu Âu kể từ sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh (1991). Sự kiện này đã và đang gây ra nhiều tranh cãi trong giới quan sát, bao gồm các nhà nghiên cứu, các nhà lãnh đạo, giới chính khách, về các vấn đề như nguyên nhân thực chất cuộc khủng hoảng, chủ thể xung đột, tác động của các nhân tố bên trong Ukraine và nhân tố quốc tế, tương lai của khủng hoảng và tác động toàn cầu của nó. Sau khi Nga sáp nhập Crimea, Mỹ và Liên minh Châu Âu (EU) áp dụng lệnh trừng phạt đối với Nga trên các lĩnh vực tài chính, dầu mỏ, quân sự,... gây ra một số khó khăn nhất định đối với Nga. Trong tình huống đó, Nga và Trung Quốc có xu hướng xích lại gần nhau hơn hay không? Tác động của khủng hoảng chính trị Ukraine đến quan hệ Nga và Trung Quốc trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế, năng lượng,... như thế nào và dự báo triển vọng của hai nước trong tương lai dưới những chuyển biến mới của khủng hoảng Ukraine là gì? Nhằm trả lời cho câu hỏi nghiên cứu trên, tác giả đã thực hiện đề tài “Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng Ukraine đến quan hệ giữa Nga và Trung Quốc”.

Luận văn tập trung vào phân tích mối quan hệ Nga – Trung từ sau chiến tranh lạnh đến trước khi xảy ra khủng hoảng Ukraine và nguyên nhân diễn biến của cuộc khủng hoảng Ukraine, từ đó làm rõ những tác động của cuộc khủng hoảng này đến Nga và Trung Quốc, đồng thời lý giải những điều chỉnh chính sách của hai nước đối với nhau và kết quả đạt được trong quan hệ Nga – Trung ở các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, kinh tế,...

Trên cơ sở những phân tích, đánh giá nói trên và diễn biến mới của tình hình chính trị tại Ukraine, luận văn đưa ra dự báo triển vọng phát triển của mối quan hệ này và kịch bản quan hệ Nga – Trung trong tương lai.

61. Đề tài: Ngoại giao cơ sở hạ tầng của Trung Quốc từ khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 đến nay: phân tích trường hợp Đông Nam Á

Học viên: Nguyễn Thị Thanh Tú

Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu (2008) đã khiến cho đời sống quốc tế có nhiều biến động, các quốc gia trên thế giới phải điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại của mình. Một trong những điểm khác biệt nhất trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc ở tình hình mới là tập trung nhiều vào hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở nước ngoài. Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu cơ sở hạ tầng của các quốc gia tăng nhanh sau khủng hoảng, Trung Quốc đã và đang tích cực đẩy mạnh hoạt động ngoại giao cơ sở hạ tầng trên toàn cầu. Đông Nam Á là nơi mà ngoại giao cơ sở hạ tầng của Trung Quốc diễn ra sôi nổi với sáng kiến con đường tơ lụa mới, kế hoạch kết nối ASEAN-Trung Quốc, dự án đường sắt Côn Minh-Singapore,... Các dự án này không chỉ giúp Trung Quốc và các nước cùng phục hồi nền kinh tế, vượt qua khủng hoảng mà còn là cầu nối giữa Trung Quốc với các nước láng giềng và các khu vực, châu lục khác trên toàn thế giới, khiến các nước từng bước gắn kết chặt chẽ về kinh tế, văn hóa, thể chế và xã hội hướng tới “một cộng đồng có chung vận mệnh”.

Việc nghiên cứu tìm hiểu thực trạng, động lực và triển vọng của ngoại giao cơ sở hạ tầng Trung Quốc có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. Đó là bước đi quan trọng đầu tiên để các chủ thể, trong đó có Việt Nam nhận diện được tình hình hiện tại, đánh giá hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, xa hơn, điều này còn giúp cung cấp tầm nhìn dự báo xu hướng phát triển của ngoại giao cơ sở hạ tầng Trung Quốc trong thời gian tới để có những khuyến nghị chính sách hợp lý.

Luận văn với đề tài “**Ngoại giao cơ sở hạ tầng của Trung Quốc từ khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 đến nay: phân tích trường hợp Đông Nam Á**” đã nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc hình thành và phát triển chiến lược ngoại giao cơ sở hạ tầng của Trung Quốc, đồng thời nêu lên thực trạng tiến hành hoạt động ngoại giao cơ sở hạ tầng trên thế giới từ khủng hoảng năm 2008 đến nay, đặc biệt là tập trung phân tích những mục tiêu chiến lược, cơ chế thực hiện và thực tiễn triển khai ở khu vực Đông Nam Á. Tiếp đó, trên cơ sở xem xét xu hướng vận động của thế giới và các yếu tố trong nước ở Trung Quốc, tác giả dự báo xu hướng ngoại giao cơ sở hạ tầng của Trung Quốc đến năm 2030 và đánh giá tác động đa chiều của hoạt động ngoại giao cơ sở hạ tầng Trung Quốc đối với Việt Nam trong hai trường hợp Việt Nam tham gia hoặc không tham gia vào kết nối cơ sở hạ tầng Trung Quốc – Đông Nam Á.

Từ những phân tích đánh giá trên, tác giả đề xuất một số phương hướng và biện pháp cụ thể nhằm phát huy tối đa tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực của ngoại giao cơ sở hạ tầng Trung Quốc đối với Việt Nam trên tinh thần thúc đẩy hội nhập khu vực, chủ động hợp tác có chọn lọc, giữ gìn quan hệ hoà bình hữu nghị giữa hai nước và kiên định bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc./.